

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;

Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 25/04/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được tổ chức vào ngày 25/4/2026, với sự tham gia của 21 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 23.050.895 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 90,64% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1. Thông qua Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 (Báo cáo số 46/BC-XNK-HĐQT ngày 24/04/2026).

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 (Báo cáo số 03/BC-XNK-BKS ngày 24/04/2026).

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 4. Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026.

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1.1 Mua vào

- | | |
|------------------------|----------------|
| - Lương thực (quy gạo) | : 285.000 tấn |
| - Cá cơm (quy tươi) | : 900 tấn |
| - Xăng dầu | : 18 triệu lít |



1.2 Bán ra

- Lương thực (*quy gạo*) : 285.000 tấn
- Cá cơm (thành, phụ phẩm) : 225 tấn
- Xăng dầu : 18 triệu lít

1.3 Doanh thu : 3.680 tỷ đồng

1.4 Lợi nhuận trước thuế : 17 tỷ đồng

1.5 Nộp ngân sách : Theo quy định

2. Kế hoạch đầu tư năm 2026 : 15.636 triệu đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn Công ty và vốn vay.

(Các chỉ tiêu SXKD và đầu tư nêu trên chưa bao gồm các yếu tố khách quan, bất khả kháng có thể phát sinh trong năm tài chính 2026).

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 5: Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.

1. Phân phối lợi nhuận năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		20.885.546.568
2.	Thuế thu nhập doanh nghiệp		6.404.688.387
3.	Lợi nhuận kế toán sau thuế phân phối	100%	14.480.858.181
3.1	Quỹ đầu tư phát triển	10%	1.448.085.818
3.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	2.172.128.727
	Quỹ thưởng Người quản lý		434.425.745
	Quỹ khen thưởng		724.042.909
	Quỹ phúc lợi		1.013.660.073
3.3	Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	0,69%	100.000.000
3.4	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 còn lại	74,31%	10.760.643.636
4.	Lợi nhuận sau thuế dùng để chi trả cổ tức		10.760.643.636
4.1	Cổ tức chi bằng tiền mặt: 4,20%/vốn điều lệ Công ty tương ứng 420 đồng/cổ phần (*)		10.680.600.000
4.2.	Lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển sang năm 2026		80.043.636

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

STT	Chi tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		17.000.000.000
2.	Thuế TNDN (20% Thu nhập chịu thuế) ¹		3.400.000.000
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN phân phối	100%	13.600.000.000
3.1	Quỹ đầu tư phát triển	10%	1.360.000.000
3.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	2.040.000.000
	Quỹ thưởng Người quản lý		594.828.000
	Quỹ khen thưởng		722.586.000
	Quỹ phúc lợi		722.586.000
3.3	Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	1,47%	200.000.000
3.4	Lợi nhuận sau thuế còn lại để chia cổ tức	74,43%	10.000.000.000
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 chuyển sang		80.043.636
5.	Lợi nhuận sau thuế dùng để chi trả cổ tức (3.4+4)		10.080.043.636
5.1	Cổ tức chi bằng tiền mặt: 3,95%/vốn điều lệ Công ty tương ứng 395 đồng/cổ phần (*)		10.044.850.000
5.2	Lợi nhuận sau thuế còn lại chuyển sang năm 2027		35.193.636

(*) Giao Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn thời gian chi trả cổ tức năm 2025 và tạm ứng cổ tức năm 2026 (nếu thấy cần thiết), thực hiện các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 6: Thông qua Tờ trình quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2026.

1. Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện của Người lao động và Ban điều hành: 47.660 triệu đồng.

1.2. Quỹ tiền lương thực hiện HĐQT, BKS chuyên trách (Trưởng BKS) : 604,8 triệu đồng.

1.3. Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách và thư ký là 864 triệu

¹ Công ty chưa tính loại trừ thuế TNDN theo khoản 3 Điều 16 Nghị định 132/2020/NĐ-CP và Nghị định 20/2025/NĐ-CP ngày 20/02/2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 132/2020/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.

đồng.

2. Kế hoạch quỹ tiền lương Người lao động và Ban điều hành; quỹ lương và thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2026

2.1. Quỹ tiền lương của Người lao động và Ban điều hành: 42.052 triệu đồng.

2.2. Quỹ tiền lương của HĐQT, BKS chuyên trách (*Trưởng BKS*): 484,44 triệu đồng.

2.3. Tổng số tiền thù lao của thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách và thư ký là 1.017,6 triệu đồng.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 7: Thông qua Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn công ty kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2026.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 8: Thông qua Tờ trình thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 9: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 10: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 11: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 12: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026 và danh sách ứng viên thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026-2031

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 23.050.895 cổ phần chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 13: Kết quả bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031

Đại hội đồng cổ đông đã bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2026 – 2031 theo phương thức bầu dồn phiếu. Kết quả bầu như sau:

1. Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ phiếu bầu/Tổng số phiếu có quyền bầu cử có mặt tại đại hội	Ghi chú
1.	Ông Bạch Ngọc Văn	207,760%	
2.	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	166,249%	
3.	Ông Phạm Minh Trung	78,858%	
4.	Bà Trần Tú Khanh	23,568%	
5.	Ông Mai Thành Công	23,565%	

2. Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ phiếu bầu/Tổng số phiếu có quyền bầu cử có mặt tại đại hội	Ghi chú
1.	Ông Trần Công Lý	187,412%	
2.	Ông Cao Văn Nghị	56,298%	
3.	Bà Trần Thị Phương Lan	56,290%	

Điều 14. Triển khai thực hiện Nghị quyết

Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang thông qua toàn văn tại cuộc họp.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký/.

Nơi nhận:

- Quý Cổ đông;
 - Tổng công ty LTMN (Thay báo cáo);
 - HĐQT Công ty;
 - BKS Công ty;
 - Ban TGD Công ty;
 - Các phòng nghiệp vụ;
 - Lưu: VT.
- (Tài liệu ĐHĐCĐ 2026).

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Bạch Ngọc Văn
(Chủ tịch Hội đồng quản trị)

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

- **Tên Công ty** : Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
- **Trụ sở chính** : 85-87 Lạc Hồng, P. Rạch Giá, An Giang
- **Điện thoại** : (0297) 3863 491 **Fax**: (0297) 3862 309
- **Mã số doanh nghiệp** : Số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 06/01/2026
- **Thời gian** : 14 giờ 30 ngày 25 tháng 4 năm 2026
- **Địa điểm** : Trụ sở chính Công ty - số 85-87 Lạc Hồng, P. Rạch Giá, An Giang

PHẦN 1: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

Ông Nguyễn Duy Tâm - Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu trình bày báo cáo:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày 19/3/2026, sở hữu 25.430.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (Công ty).

- Cổ đông tham dự Đại hội: 21 cổ đông và người đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 23.050.985 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 90,64% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty đủ điều kiện để tiến hành.

2. Giới thiệu Đoàn chủ tọa

- | | |
|---|------------|
| - Ông Bạch Ngọc Văn, Chủ tịch HĐQT | Chủ tọa |
| - Bà Dương Thị Thanh Nguyệt, Phó CT thường trực HĐQT, TGD | Thành viên |
| - Ông Phạm Minh Trung, Thành viên HĐQT | Thành viên |

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

3. Đoàn chủ tọa cử Thư ký Đại hội

- | | |
|------------------------|------------|
| - Bà Lý Trần Hải Triều | Trưởng ban |
| - Ông Huỳnh Trung Hậu | Thành viên |

4. Chủ tọa giới thiệu để Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu

- | | |
|-------------------------|---------------------------|
| - Ông Nguyễn Thanh Tiến | Trưởng Ban kiểm phiếu |
| - Bà Nguyễn Hồng Thắm | Thành viên Ban kiểm phiếu |
| - Bà Nguyễn Duy An | Thành viên Ban kiểm phiếu |



- Bà Nguyễn Nhật Thúy Anh Thành viên Ban kiểm phiếu

- Ông Nguyễn Hoàng Dũ Thành viên Ban kiểm phiếu

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu.

5. Ông Mai Thành Công thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

6. Ông Phạm Minh Trung thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Chương trình Đại hội.

PHẦN 2: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Đại hội nghe trình bày các báo cáo

Nội dung 01: Báo cáo số 46/BC-XNK-HĐQT, ngày 24/4/2026 của HĐQT Công ty về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

Người trình bày: Ông Mai Thành Công – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nội dung 02: Báo cáo số 03/BC-XNK-BKS, ngày 24/4/2026 của BKS Công ty về hoạt động của BKS năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

Người trình bày: Bà Trần Thị Mai Trinh - Trưởng Ban kiểm soát.

II. Đại hội nghe trình bày các tờ trình

Nội dung 01: Tờ trình số 47/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Người trình bày: Bà Trần Thị Mai Trinh - Trưởng Ban kiểm soát.

Nội dung 02: Tờ trình số 48/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026.

Người trình bày: Bà Dương Thị Thanh Nguyệt - Phó Chủ tịch thường trực HĐQT, Tổng giám đốc.

Nội dung 03: Tờ trình số 49/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.

Người trình bày: Bà Trần Thị Diệp - Kế toán trưởng Công ty.

Nội dung 04: Tờ trình số 50/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026.

Người trình bày: Bà Trần Thị Diệp - Kế toán trưởng Công ty.

Nội dung 05: Tờ trình số 04/TTr-XNK-BKS ngày 24/4/2026 của Ban kiểm soát Công ty về việc phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn công ty kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2026.

Người trình bày: Bà Trần Thị Mai Trinh - Trưởng Ban kiểm soát.

Nội dung 06: Tờ trình số 51/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về thực hiện hợp đồng, giao dịch với người có liên quan.

Người trình bày: Ông Phạm Minh Trung - Thành viên Hội đồng quản trị.

Nội dung 07: Tờ trình số 52/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Người trình bày: Ông Bạch Ngọc Văn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nội dung 08: Tờ trình số 53/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

Người trình bày: Ông Bạch Ngọc Văn - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nội dung 09: Tờ trình số 05/TTr-XNK-BKS ngày 24/4/2026 của Ban kiểm soát về sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Người trình bày: Ông Trần Công Lý – Thành viên Ban kiểm soát.

Nội dung 10: Tờ trình số 54/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026 và danh sách ứng viên thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Người trình bày: Ông Mai Thành Công - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

PHẦN 3: THẢO LUẬN

Sau khi nghe trình bày nội dung các báo cáo, tờ trình, cổ đông không có ý kiến.

PHẦN 4: BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG

Đại hội nghe trình bày, biểu quyết theo phương thức bỏ phiếu kín các nội dung sau

Số lượng cổ đông tham dự: 21

Số lượng cổ đông ủy quyền: 85

Đại diện cho: 23.050.985 cổ phần có quyền biểu quyết.

Chiếm: 90,64% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Nội dung 01: Báo cáo số 46/BC-XNK-HĐQT, ngày 24/4/2026 của HĐQT Công ty về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 01 đã được thông qua.

Nội dung 02: Báo cáo số 03/BC-XNK-BKS, ngày 24/4/2026 của BKS Công ty về hoạt động của BKS năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 02 đã được thông qua.

Nội dung 03: Tờ trình số 47/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 03 đã được thông qua.

Nội dung 04: Tờ trình số 48/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 04 đã được thông qua.

Nội dung 05: Tờ trình số 49/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 05 đã được thông qua.

Nội dung 06: Tờ trình số 50/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 06 đã được thông qua.

Nội dung 07: Tờ trình số 04/TTr-XNK-BKS ngày 24/4/2026 của Ban kiểm soát Công ty về việc phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2026.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 07 đã được thông qua.

Nội dung 08: Tờ trình số 51/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về thực hiện hợp đồng, giao dịch với người có liên quan.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 08 đã được thông qua.

Nội dung 09: Tờ trình số 52/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 09 đã được thông qua.

Nội dung 10: Tờ trình số 53/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 10 đã được thông qua.

Nội dung 11: Tờ trình số 05/TTr-XNK-BKS ngày 24/4/2026 của Ban kiểm soát về sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 11 đã được thông qua.

Nội dung 12: Tờ trình số 54/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty về miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026 và danh sách ứng viên thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 21	- Số cổ phần: 23.050.985	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0% CPBQ dự họp

Như vậy, nội dung 12 đã được thông qua.

PHẦN 5: THÔNG QUA BẦU CỬ

1. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang nhiệm kỳ 2026-2031.

Ông Nguyễn Thanh Tiến - Trưởng ban kiểm phiếu trình bày Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang nhiệm kỳ 2026 - 2031.

2. Đại hội đã bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang nhiệm kỳ 2026 - 2031 theo phương thức bầu dồn phiếu. Kết quả bầu như sau:

a) Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ phiếu bầu/Tổng số phiếu có quyền bầu cử có mặt tại đại hội	Ghi chú
1.	Ông Bạch Ngọc Văn	207,760%	
2.	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	166,249%	
3.	Ông Phạm Minh Trung	78,858%	
4.	Bà Trần Tú Khanh	23,568%	
5.	Ông Mai Thành Công	23,565%	

b) Ban Kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Tỷ lệ phiếu bầu/Tổng số phiếu có quyền bầu cử có mặt tại đại hội	Ghi chú
1.	Ông Trần Công Lý	187,412%	
2.	Ông Cao Văn Nghị	56,298%	
3.	Bà Trần Thị Phương Lan	56,290%	

PHẦN 6: CÔNG BỐ KẾT QUẢ BẦU CHỦ TỊCH HĐQT, TRƯỞNG BKS VÀ BỔ NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC NHIỆM KỲ 2026 - 2031

Ông Nguyễn Thanh Tiến - Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng BKS và bổ nhiệm Tổng giám đốc, cụ thể:

- Ông Bạch Ngọc Văn - được bầu làm Chủ tịch HĐQT.
- Ông Trần Công Lý - được bầu làm Trưởng BKS.

- Bà Dương Thị Thanh Nguyệt - được bầu làm Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

PHẦN 7: THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT CUỘC HỌP

Người trình bày: Bà Lý Trần Hải Triều, Thư ký Đại hội: Đọc biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 với 100% số phiếu tán thành.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 với 100% số phiếu tán thành.

Biên bản và Nghị quyết đại hội lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Đại hội kết thúc vào lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Lý Trần Hải Triều



Huỳnh Trung Hậu

TM. ĐOÀN CHỦ TỌA
CHỦ TỌA



Bạch Ngọc Văn

GIANG



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, P.Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (0297) 3863 491 Website: www.kigimex.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(Bắt đầu lúc 14h00 ngày 25 tháng 4 năm 2026)

Thời gian	Nội dung
14h00 - 14h30	Đón khách và kiểm tra tư cách đại biểu và cổ đông: - Đón tiếp đại biểu và cổ đông; - Kiểm tra tư cách đại biểu, phát phiếu biểu quyết, thẻ biểu quyết và tài liệu Đại hội.
14h30 - 15h00	Khai mạc Đại hội: - Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội; - Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội; - Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, cử Ban thư ký và bầu Ban kiểm phiếu; - Thông qua Quy chế làm việc (ĐH biểu quyết); - Thông qua chương trình Đại hội (ĐH biểu quyết).
15h00 - 15h30	Trình bày các báo cáo: - Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026; - Báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.
15h30 - 16h00	Trình bày các tờ trình trình ĐHĐCĐ: - Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán; - Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026; - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026; - Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2026; - Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn Công ty kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2026; - Thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan; - Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty; - Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT; - Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của BKS; - Miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026 và danh sách ứng viên thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 – 2031.
16h00 - 16h10	- Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo và tờ trình.

Thời gian	Nội dung
16h10 - 16h30	Bầu cử HĐQT, BKS: - Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 – 2031; - Thông qua kết quả kiểm phiếu biểu quyết; - Tiến hành bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 – 2031.
16h30 – 16h40	Nghỉ giải lao, kiểm phiếu bầu cử.
16h40 – 16h45	Ban kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử HĐQT, BKS.
16h45 – 16h55	HĐQT, BKS họp phiên thứ nhất.
16h55 – 17h00	- Công bố kết quả họp phiên thứ nhất của HĐQT, BKS. - Tặng hoa/quà BKS hết nhiệm kỳ, không tái cử. - HĐQT, BKS nhiệm kỳ cũ và nhiệm kỳ mới chụp hình lưu niệm
17h00 - 17h30	- Mời phát biểu của Lãnh đạo Tổng công ty; - Ban thư ký đọc dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ; - Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.
17h30 – 17h35	Tuyên bố bế mạc Đại hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 45/QC-XNK-HĐQT

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. Đối tượng và phạm vi

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (*Người được ủy quyền*) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

3. Giải thích từ viết tắt

- | | |
|------------|---|
| - Công ty | Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang |
| - HĐQT | Hội đồng quản trị |
| - BKS | Ban kiểm soát |
| - ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| - BTC | Ban Tổ chức |
| - Đại biểu | Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông |
| - Đại hội | Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông |

4. Nội dung quy chế

4.1 Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ (điều 19 Điều lệ Công ty)

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu dự



hợp trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành được nêu ở phần trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 19/3/2026 đều có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân, v.v...theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.

- Tuân thủ các quy định của Ban Tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa

- Đoàn Chủ tọa gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tọa và không quá 04 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty làm Chủ tọa. Chủ tọa đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm

Chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.

- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tiến hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

+ Điều hành các hoạt động của ĐHĐCĐ Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua;

+ Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

+ Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

+ Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

+ Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

- Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa Đại hội cử một hoặc một số người làm Thư ký Đại hội.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

+ Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

+ Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu;

+ Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ;

+ Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chủ tọa và Thư ký Đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

4.7 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban Tổ chức Đại hội cử 02 người làm Ban kiểm tra tư cách đại biểu để phục vụ cuộc Đại hội, bao gồm: 01 Trưởng ban và 01 thành viên.

- Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

+ Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp;

+ Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp theo quy định của điều 141 Luật Doanh nghiệp, đại diện đủ số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

4.8 Ban kiểm phiếu

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội giới thiệu để Đại hội thông qua bằng cách giơ Thẻ biểu quyết.

- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

+ Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử;

+ Kiểm và ghi nhận Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết và kết quả bầu cử;

+ Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết, bầu cử cho Thư ký;

+ Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp và đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại Đại hội (kèm theo bộ tài liệu ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số cổ đông, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Hình thức biểu quyết như sau:

+ Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Thành phần Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);

+ Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026; báo cáo hoạt động của BKS năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để “tán thành, không tán thành, không ý kiến” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại mục 4.10.1.

- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “tán thành, không tán thành, không ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết “tán thành” vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết “tán thành, không tán thành, không ý kiến” của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, thành viên Ban kiểm phiếu đánh dấu mã

số cổ đông và số Phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông “tán thành, không tán thành, không ý kiến” và không hợp lệ.

- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “tán thành, không tán thành, không ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- Phiếu biểu quyết hợp lệ: Là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự. Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (*Báo cáo, Tờ trình*) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;

+ Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên Phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 19/3/2026) tổng số cổ phần của Công ty là: 25.430.000 cổ phần tương đương với 25.430.000 quyền biểu quyết.

Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số nội dung được quy định tại khoản 1 điều 21 Điều lệ Công ty được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu Phiếu biểu quyết.

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu “tán thành, không tán thành, không ý kiến” của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm Phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Bầu cử HĐQT và BKS

Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội.

4.12 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ



Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ được đọc và phải thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

5. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:

+ Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh/phòng ngừa dịch bệnh khác;

+ Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh/phòng ngừa dịch bệnh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Quý cổ đông;
- Lưu VT. P.TCHC.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số:46/BC-XNK-HĐQT

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO VỀ QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 như sau:

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Thuận lợi

- Công ty nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của Tổng công ty Lương thực miền Nam (Tổng công ty); đồng thời HĐQT đã chỉ đạo, định hướng và tạo mọi điều kiện thuận lợi trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Có mối quan hệ tốt với khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là những khách hàng truyền thống luôn đồng hành và ủng hộ Công ty.

- Được các ngân hàng thương mại hỗ trợ cho vay đủ và kịp thời nhu cầu vốn theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Duy trì, mở rộng hệ thống nhà cung ứng có tiềm năng và uy tín trên thị trường.

- Có được sự quyết tâm đoàn kết của tập thể Ban Lãnh đạo và CB.CNV trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

2. Khó khăn

- Ngành lương thực: xuất khẩu vẫn phụ thuộc vào thị trường Ghana, các thị trường khác còn hạn chế; giá thành chưa có lợi thế cạnh tranh. Đặc biệt là chính sách giảm thuế xuất khẩu của Ấn Độ và chính sách tạm ngừng nhập khẩu gạo từ ngày 01/09/2025 của Philippines dự kiến kéo dài qua năm 2026, sẽ làm tăng áp lực cạnh tranh cho thị trường gạo thơm khi các nhà xuất khẩu gạo chuyển hướng từ Philippines sang các thị trường khác.

- Ngành xăng dầu: mở rộng mạng lưới phân phối triển khai chậm, hiệu quả chưa đạt kỳ vọng, chưa tạo lợi thế cạnh tranh rõ rệt.

- Ngành cá cơm: phụ thuộc thời tiết và mùa vụ, chi phí sản xuất cao, chất lượng sản phẩm 1-2 năm gần đây chưa đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Áp lực cạnh tranh về giá ngày càng gia tăng do các đối thủ (nhà xuất khẩu trong nước) liên tục điều chỉnh giảm giá chào bán.

- Hệ thống máy móc, thiết bị dù đã được đầu tư nâng cấp, cải tiến nhưng chưa đồng bộ, dẫn đến công suất chế biến tại các đơn vị còn hạn chế; cụ thể: (1) Chất lượng sản phẩm đôi lúc chưa đáp ứng yêu cầu về độ trong, độ bóng; (2) Công suất đóng gói túi nhỏ còn thấp, chưa đáp ứng kịp tiến độ giao hàng.



- Định phí sản xuất còn cao, ảnh hưởng đến lợi thế cạnh tranh về giá của Công ty.

- Chính sách thuế GTGT trong thời gian qua có nhiều thay đổi, ảnh hưởng trực tiếp đối với ngành hàng lương thực - ngành hàng kinh doanh chủ lực của Công ty.

Tóm lại, tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2025 và nhiệm kỳ 2021 - 2026 của Công ty đã gặp phải những khó khăn và thuận lợi đan xen, tùy thuộc vào từng ngành hàng. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ sâu sát từ cổ đông lớn (*Tổng công ty Lương thực miền Nam chiếm 83,31% vốn điều lệ*), cùng với sự chỉ đạo quyết liệt từ HĐQT, Công ty đã tận dụng được những thế mạnh nội tại và các cơ hội phát triển để ứng phó kịp thời với các biến động và khó khăn. Công ty đã triển khai các giải pháp chiến lược phù hợp, bao gồm tăng cường dự báo thị trường và theo dõi sát diễn biến mùa vụ và các yếu tố tác động. Nhờ những nỗ lực này, sản xuất kinh doanh năm 2025 đã đạt được những kết quả tích cực, khẳng định được sự chủ động và linh hoạt trong điều hành.

II. Hoạt động của HĐQT năm 2025

1. Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch SXKD

Năm 2025, HĐQT đã chỉ đạo tổ chức thực hiện các chỉ tiêu SXKD đạt so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông như sau:

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025 ¹	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	So sánh %	
						Kế hoạch	Cùng kỳ
1	Mua vào						
a	Lúa, gạo (<i>quy gạo</i>)	tấn	278.000	442.784	352.940	127	80
b	Cá cơm (<i>quy tươi</i>)	tấn	900	1.048	855	95	82
c	Xăng dầu	triệu lít	18,00	19,28	20,07	111	104
2	Bán ra						
a	Lúa, gạo (<i>quy gạo</i>)	tấn	278.000	425.570	349.632	126	82
b	Cá cơm	tấn	225	241	266	108	110
c	Xăng dầu	triệu lít	18,00	18,88	19,81	110	105
3	Kim ngạch xuất khẩu	Tr. usd	156,85	226,32	159,52	102	70
4	Doanh thu	tỷ đồng	4.550	7.403	5.232	115	71
5	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	15,50	15,26	20,89	135	137
6	Nộp ngân sách (số phải nộp)	tỷ đồng	3,89	9,34	11,81	191	126

2. Thực hiện kế hoạch đầu tư

¹ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 60/NQ-XNK-ĐHDCĐ ngày 15/5/2025 của Công ty CP XNK Kiên Giang.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2025: HĐQT đã chỉ đạo triển khai được 42/42 hạng mục, với tổng giá trị 14.880 triệu đồng, đạt 89,24% so với kế hoạch², tương đương tiết giảm được 2.195 triệu đồng. Do Công ty tìm kiếm được nhiều đơn vị thi công, lắp đặt để thực hiện chào giá, đàm phán giá cạnh tranh khi ký hợp đồng nên giá trị đầu tư giảm so với kế hoạch.

3. Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025

Tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Ban điều hành năm 2025 được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán trình ĐHĐCĐ. Chi tiết tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS, Ban điều hành của Công ty được báo cáo tại tờ trình về tiền lương, thù lao trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

4. Về hoạt động của các thành viên HĐQT

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. HĐQT đã chủ động định hướng, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc xây dựng, triển khai các chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh; phân công nhiệm vụ và đảm bảo nguồn lực cần thiết nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Các vấn đề thuộc thẩm quyền được thảo luận, biểu quyết công khai, minh bạch; từng thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định đã được thông qua.

HQĐT đã hoạt động hiệu quả, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp. Các quyết sách được ban hành kịp thời, bám sát chiến lược phát triển và tình hình thực tế của Công ty. Việc giám sát và hỗ trợ điều hành đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông và các bên liên quan.

5. Các cuộc họp và nghị quyết của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã tổ chức 22 cuộc họp về các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT để định hướng, chỉ đạo Ban điều hành để lãnh đạo và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng Điều lệ, quy chế của Công ty và quy định của Pháp luật.

HQĐT đã ban hành 28 Nghị quyết liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, huy động vốn, đầu tư, lựa chọn đơn vị kiểm toán, chi trả cổ tức, tổ chức ĐHĐCĐ. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và đảm bảo theo đúng quy định Điều lệ Công ty (đính kèm Phụ lục Nghị quyết).

6. Về hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện giám sát chặt chẽ đối với Ban TGD trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, thông qua chế độ báo cáo thường xuyên và đột xuất. Ban TGD đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Điều lệ, Quy chế nội bộ, cũng như các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Việc giám sát được thực hiện theo nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, khách quan, và HĐQT trực tiếp phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền. Ban TGD đã chủ động và kịp thời ứng phó với các biến động phức tạp từ thị trường trong và ngoài nước, điều

² Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 60/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 15/5/2025 của Công ty CP XNK Kiên Giang.

chính phương pháp quản trị doanh nghiệp phù hợp, giảm thiểu rủi ro và bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

6.1. Các công việc giám sát và chỉ đạo trong năm 2025

- Giám sát thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và các Nghị quyết của HĐQT.

- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- Tập trung chỉ đạo Ban điều hành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nâng cao hiệu quả chỉ đạo của Ban điều hành trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, bảo đảm phát triển vốn chủ sở hữu, với tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu dưới 03 lần.

- Giám sát công tác kinh doanh xuất nhập khẩu và các hoạt động đầu tư, mua sắm của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu theo đúng quy định.

6.2. Kết quả giám sát

- Ban TGD đã nỗ lực thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Việc tuân thủ các quy định pháp lý, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty được thực hiện đầy đủ.

- Ban TGD đã chủ động rà soát và kiểm soát tốt việc sử dụng vốn, đảm bảo đạt hiệu quả tối ưu trong sản xuất kinh doanh. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT, cùng với các Nghị quyết ĐHĐCĐ, đã được triển khai đúng tiến độ và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đề ra.

7. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty với Tổng công ty

Trong năm 2025, Công ty có ký hợp đồng mua bán hàng hóa với Tổng công ty Lương thực miền Nam (*Công ty mẹ*) và các Công ty con, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Lương thực miền Nam: Công ty Lương thực Tiền Giang, Công ty Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm (*Mecofood*) theo đúng Điều lệ và quy định của Pháp luật.

III. Kết quả hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026

1. Bối cảnh chung

- Đại dịch COVID-19 làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, hoạt động thu hoạch, vận chuyển và xuất khẩu gặp nhiều khó khăn. Tình trạng thiếu container rỗng và giá cước vận chuyển biển tăng cao đã làm chi phí logistics gia tăng đáng kể. Tuy nhiên, nhu cầu tích trữ lương thực tăng mạnh trong giai đoạn này cũng khiến giá gạo xuất khẩu biến động theo chiều hướng tăng.

- Xung đột giữa các quốc gia lớn từ năm 2022 làm giá năng lượng, phân bón và nhiên liệu tăng mạnh, kéo theo chi phí sản xuất lúa gạo gia tăng. Năm 2023, việc Ấn Độ – nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới – áp dụng lệnh hạn chế xuất khẩu đã làm nguồn cung toàn cầu bị thu hẹp, đẩy giá gạo lên mức cao kỷ lục. Đến cuối năm 2024, khi chính sách được điều chỉnh, mặt bằng giá dần ổn định và áp lực cạnh tranh gia tăng trở lại.

- Hạn hán và El Nino ảnh hưởng đến sản lượng lúa tại nhiều quốc gia châu Á. Tại Việt Nam, xâm nhập mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục là yếu tố rủi ro đối với sản xuất lúa, đòi hỏi sự thích ứng linh hoạt trong tổ chức sản xuất và thu mua.

- Biến động tỷ giá USD/VND, thay đổi lãi suất và chính sách thuế trong từng giai đoạn đã tác động trực tiếp đến chi phí vốn và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Các nước nhập khẩu gạo lớn như Philippines và Indonesia thường xuyên điều chỉnh thuế suất và cơ chế nhập khẩu theo tình hình cung – cầu nội địa, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu của doanh nghiệp.

Tổng thể, nhiệm kỳ 2021 – 2026 là giai đoạn ngành gạo hoạt động trong môi trường nhiều biến động, đan xen giữa thách thức về chi phí, chính sách và nguồn cung với cơ hội về giá và thị trường xuất khẩu.

2. Kết quả hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026

2.1. Công tác nhân sự, quản trị

Nhiệm kỳ 2021 – 2026, HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ. Trong nhiệm kỳ có sự thay đổi nhân sự nhằm phù hợp với yêu cầu quản trị và cơ cấu cổ đông. Cụ thể:

- Miễn nhiệm Ông Đoàn Huỳnh Dũng, phó chủ tịch HĐQT do đến tuổi nghỉ hưu theo quy định và bầu bổ sung ông Mai Thanh Công thay thế.

- Miễn nhiệm Ông Phan Hùng Minh thành viên HĐQT do không còn là cổ đông lớn của Công ty và bầu bổ sung Ông Đặng Quốc Việt thay thế.

- Miễn nhiệm Ông Đặng Quốc Việt thành viên HĐQT do không còn là cổ đông lớn của Công ty và bầu bổ sung Bà Trần Tú Khanh thay thế.

- Đến cuối nhiệm kỳ, HĐQT gồm 05 thành viên:

(i) Ông Bạch Ngọc Văn – Chủ tịch HĐQT.

(ii) Bà Dương Thị Thanh Nguyệt – Phó Chủ tịch thường trực HĐQT.

(iii) Ông Mai Thanh Công – Phó Chủ tịch HĐQT.

(iv) Ông Phạm Minh Trung – Thành viên HĐQT.

(v) Bà Trần Tú Khanh – Thành viên HĐQT.

- Trong nhiệm kỳ, HĐQT đã tập trung hoàn thiện cơ chế quản trị doanh nghiệp theo hướng minh bạch, tuân thủ pháp luật và nâng cao hiệu quả điều hành. Các quy chế nội bộ, quy định phân cấp, ủy quyền được rà soát, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế; tăng cường vai trò kiểm soát nội bộ và trách nhiệm của người đứng đầu.

- HĐQT đã tổ chức đầy đủ các kỳ ĐHĐCĐ thường niên theo đúng quy định về thời gian, trình tự và nội dung; đồng thời duy trì họp định kỳ để xem xét, đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh, quyết nghị các vấn đề thuộc thẩm quyền và kịp thời chỉ đạo Ban điều hành triển khai nhiệm vụ. Bên cạnh việc định hướng chiến lược và phê duyệt các chủ trương lớn về sản xuất kinh doanh, đầu tư và tài chính, HĐQT thực hiện giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban điều hành; phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát nhằm đảm bảo tính tuân thủ và hiệu quả trong quản trị. Thù lao của các Thành viên HĐQT được chi trả theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Tổng thể, trong nhiệm kỳ 2021 – 2026, HĐQT đã phát huy vai trò định hướng chiến lược, nâng cao chất lượng quản trị và đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

2.2. Kết quả SXKD trong nhiệm kỳ

Trong nhiệm kỳ 2021 – 2026, mặc dù thị trường lương thực và môi trường kinh doanh có nhiều biến động, Công ty vẫn duy trì quy mô hoạt động ổn định và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu ĐHĐCĐ giao:

Chỉ tiêu	Kế hoạch nhiệm kỳ	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
Lương thực mua vào (tấn)	1.318.000	1.982.257	150,4%
Lương thực bán ra (tấn)	1.318.000	1.944.675	147,55%
Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	660,89	920,34	139,26%
Tổng doanh thu (tỷ đồng)	19.290	28.786	149,23%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	70,20	85,95	122,43%

- Quy mô thu mua và tiêu thụ lương thực tăng mạnh so với kế hoạch và các chỉ tiêu đều vượt kế hoạch.

- Kim ngạch xuất khẩu đạt 920,34 triệu USD, vượt 39,26% so với kế hoạch, tiếp tục khẳng định vị thế là doanh nghiệp nằm trong top 10 doanh nghiệp xuất khẩu lương thực của Việt Nam.

- Doanh thu lũy kế đạt 28.786 tỷ đồng, vượt 49,23% kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 85,95 tỷ đồng, vượt 22,43% kế hoạch, đảm bảo hiệu quả tài chính và khả năng chi trả cổ tức.

- Vốn điều lệ duy trì ổn định 254,30 tỷ đồng; vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Công ty kiểm soát tốt dòng tiền và công nợ, đảm bảo an toàn tài chính trong toàn nhiệm kỳ.

- Tổng cổ tức chi trả trong nhiệm kỳ: 40,89 tỷ đồng.

- Các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Công tác phân phối lợi nhuận thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi cổ đông.

Nhiệm kỳ 2021 – 2026 ghi nhận sự tăng trưởng về quy mô và hiệu quả, hoàn thành và vượt kế hoạch ở hầu hết các chỉ tiêu trọng yếu, trong điều kiện thị trường nhiều biến động. HĐQT đã phát huy vai trò định hướng chiến lược, giám sát điều hành và bảo toàn, phát triển vốn cho cổ đông.

IV. Phương hướng nhiệm vụ của HĐQT trong năm 2026

1. Dự báo tình hình

Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) tháng 3/2026, sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2025 – 2026 ước đạt 541,3 triệu tấn, giảm 371 nghìn tấn so với niên vụ 2024 – 2025. Trong đó, mức giảm đáng chú ý nhất đến từ Brazil với sản lượng giảm hơn 1 triệu tấn, như sau:

- Dự báo thương mại 2026: tổng cung – cầu xuất nhập khẩu trong năm 2026 được dự báo đạt khoảng 62,5 triệu tấn, tăng 3 triệu tấn so với năm 2025. Nhu cầu nhập khẩu ghi nhận sự gia tăng mạnh tại một số thị trường, cụ thể:

+ Dự báo Philippines dự kiến nhập khẩu khoảng 5,5 triệu tấn, tăng mạnh 1,8 triệu tấn do ảnh hưởng của các biện pháp hạn chế nhập khẩu trong năm 2025 khiến lượng nhập khẩu trước đó giảm sâu, Malaysia được dự báo nhập khẩu 1,7 triệu tấn, tăng 0,2 triệu tấn; trong khi Indonesia duy trì ở mức khoảng 0,8 triệu tấn, không thay đổi đáng kể so với cùng kỳ. Ghana dự kiến giảm nhập khẩu xuống còn 0,9 triệu tấn (giảm 0,1 triệu tấn), và Bờ Biển Ngà cũng giảm nhẹ 0,1 triệu tấn, từ 2 triệu tấn xuống còn 1,9 triệu tấn.

+ Dự báo xuất khẩu: Ấn Độ tiếp tục là quốc gia dẫn đầu với dự báo đạt 25 triệu tấn, tăng mạnh 3,3 triệu tấn. Trong khi đó, một số quốc gia xuất khẩu lớn khác ghi nhận xu hướng giảm, bao gồm Thái Lan với 7 triệu tấn (giảm 859 nghìn tấn) và Việt Nam với 7,9 triệu tấn (giảm 163 nghìn tấn). Riêng Pakistan được dự báo tăng nhẹ lên mức 4,8 triệu tấn, tăng 300 nghìn tấn so với năm trước. Tổng lượng xuất khẩu của các quốc gia này ước đạt 44,7 triệu tấn, chiếm khoảng 71,4% tổng lượng xuất khẩu gạo toàn cầu

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2026

2.1. Chỉ tiêu kế hoạch SXKD

Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2026 TCT giao ³
a. Sản lượng mua vào		
- Lương thực (quy gạo)	tấn	285.000
- Cá cơm (quy tươi)	tấn	900
- Xăng dầu	triệu lít	18
b. Sản lượng bán ra		
- Lương thực (quy gạo)	tấn	285.000
+ Xuất khẩu trực tiếp	tấn	255.000
+ Kinh doanh nội địa	tấn	30.000
- Cá cơm	tấn	225
- Xăng dầu	triệu lít	18
c. Doanh thu	tỷ đồng	3.680
d. Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	17
e. Nộp ngân sách (<i>số phải nộp</i>)	tỷ đồng	Theo quy định

2.2. Kế hoạch đầu tư

- Tổng giá trị dự kiến đầu tư năm 2026: 15.636 triệu đồng, gồm: Vốn vay 9.349 triệu đồng, vốn Công ty 6.287 triệu đồng.

- Tập trung đầu tư có trọng điểm, cấp thiết để nâng cấp, trang bị máy móc thiết bị, cải tiến dây chuyền sản xuất, nhằm đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo thị trường hiện nay và tăng công suất khai thác máy móc thiết bị phát huy được quả hơn.

3. Định hướng hoạt động của HĐQT trong năm 2026

Năm 2026 – năm đầu nhiệm kỳ mới, Công ty thực hiện phương châm hành động **“Đoàn kết – Kỷ cương – Dân chủ – Đổi mới – Phát triển bền vững”**, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển và yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

HĐQT xác định năm 2026 là năm tăng tốc, quyết tâm hoàn thành và phấn đấu vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Tổng công ty giao; hướng đến tăng trưởng hai con số về

³ Công văn số 2995/LTMN-KHDT ngày 04/12/2025 của Tổng công ty V/v kế hoạch SXKD năm 2026.

sản lượng hoặc doanh thu, đồng thời nâng cao hiệu quả, chất lượng và năng lực cạnh tranh của Công ty.

Theo đó, HĐQT tập trung chỉ đạo và giám sát Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

a) Tổ chức triển khai kế hoạch SXKD theo từng tháng, quý và năm, xây dựng giải pháp cụ thể cho từng giai đoạn, từng ngành hàng; kiểm soát chặt chẽ tiến độ thực hiện, kịp thời điều chỉnh nhằm bảo đảm hoàn thành và vượt kế hoạch được giao.

b) Nâng cao năng lực dự báo và điều hành, chủ động ứng phó với biến động cung - cầu, chính sách thương mại và tỷ giá; tăng cường quản lý tiến độ giao hàng, kiểm soát điều kiện hợp đồng, hạn chế rủi ro phát sinh, giữ vững uy tín với khách hàng trong và ngoài nước.

c) Siết chặt quản lý tài chính, công nợ và tồn kho, tối ưu hóa vòng quay vốn; bảo đảm an toàn tài chính, duy trì các chỉ tiêu an toàn trong giới hạn kiểm soát; thực hiện nghiêm nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn.

d) Nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, tiếp tục cải tiến dây chuyền chế biến; nâng cao tỷ lệ thu hồi, chất lượng sản phẩm; kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm.

đ) Chuẩn hóa hệ thống quản lý chất lượng, tăng cường kiểm tra, giám sát tại các khâu trọng yếu; gắn trách nhiệm về chất lượng với người đứng đầu đơn vị.

e) Rà soát, tối ưu hóa định mức kinh tế kỹ thuật, tiết giảm chi phí sản xuất, chi phí tài chính và chi phí trung gian; nâng cao hiệu suất khai thác máy móc thiết bị nhằm hạ giá thành và nâng cao sức cạnh tranh.

f) Tiếp tục tinh gọn bộ máy tổ chức, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; gắn kết quả thực hiện kế hoạch với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và hiệu quả quản lý.

g) Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát rủi ro trong toàn hệ thống.

h) Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị và điều hành, ứng dụng công nghệ trong quản lý chi phí, phân tích dữ liệu và ra quyết định; nâng cao năng suất lao động và minh bạch thông tin quản trị.

Tổng thể, HĐQT xác định hành động đồng bộ, quyết liệt và có trọng tâm, nhằm nâng cao chất lượng quản trị, tối ưu hóa nguồn lực và kiểm soát rủi ro; bảo đảm Công ty hoàn thành tốt kế hoạch năm 2026, tạo đà phát triển bền vững cho nhiệm kỳ mới.

Trên đây là báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

Kính trình ĐHCĐ xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bạch Ngọc Văn

Phụ lục 01: Kết quả thực hiện đầu tư năm 2025
(Đính kèm báo cáo số: 46/BC-XNK-HĐQT, ngày 24 tháng 4 năm 2026)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị/Hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2025			Thực hiện năm 2025			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn vay	Vốn Công ty	Tổng cộng	Vốn vay	Vốn Công ty	
1.	Xí nghiệp Thạnh Hưng	1.349	693	656	1.088,3	537,1	551,2	
1.1	Hệ thống bù tải phục vụ cho cân định lượng (06 bộ) : Bù tải 9 m 12 tấn/giờ - 14 tấn/h + sàng thao tác + đường ống		-	-	Hạng mục không thực hiện, để chuyển giá trị đầu tư sang hạng mục đầu tư khác			
1.2	Máy lau bóng + thiết bị phụ trợ		-	-				
1.3	Bù tải 15 tấn/giờ (03 bộ) + phụ trợ phần điện			-				
1.4	Sàng tạp chất 15 tấn/giờ sàng gạo lứt	155		155	150,9		150,9	
1.5	Thùng chứa ủ gạo 2 ngăn, sức chứa 200 tấn + móng thùng và thiết bị phụ trợ bằng tải bù tải	990	693	297	767,3	537	230,2	
1.6	Cân băng tải, công suất 35 - 40 tấn/giờ, (có in mã cân và thiết bị chuyển dữ liệu về máy tính) 01 bộ	110		110	81,5		81,5	
1.7	Hệ thống điện cấp cho lau bóng sau Sortex	94		94	88,6		88,6	Hạng mục bổ sung
2.	Xí nghiệp Sơn Thuận	2.026	441	1.585	1.805,2	436,1	1.369,1	
2.1	Đầu tư 03 băng tải (9 m, 6 m, 3 m) chạy gạo lứt và thiết bị phụ trợ	300		300	194,7		194,7	
2.2	Đầu tư cân định lượng tầm $\frac{3}{4}$	80		80	52,0		52,0	
2.3	Mua mới máy nén khí 7,5 Kw cho hệ thống xay xát bóc vỏ lúa	70		70	58,0		58,0	

2.4	Đầu tư hệ thống hút cám cho dây chuyền xát trắng - lau bóng và thiết bị phụ trợ khác	630	441	189	623,0	436,1	186,9	
2.5	Cân băng tải, công suất 35 - 40 tấn/giờ, (có in mã cân và thiết bị chuyển dữ liệu về máy tính) 02 bộ	220		220	161,5		161,5	
2.6	Đầu tư máy lau bóng sau sortex và thiết bị phụ trợ	726		726	716		716,0	Hạng mục bổ sung
3.	Xí nghiệp An Hòa	1.220	777	443	1.086,5	690,1	396	
3.1	Thùng chứa gạo trắng sây DxRx C = 5,5 m x 5,5 m x 6,3 m (02 thùng) và phần móng thùng				Hạng mục không thực hiện, để chuyển giá trị đầu tư sang hạng mục đầu tư khác			
3.2	Cân định lượng gạo TP (02 bộ), tấm 1/2 (01 bộ), gạo phế (01 bộ) và thiết bị phụ trợ							
3.3	Bù đài, băng tải, cân đóng bao và thiết bị phụ trợ	710	497	213	627,9	439,5	188,4	
3.4	Đầu tư trồng, đào dây chuyền lau bóng 2	400	280	120	377,1	250,6	126,5	
3.5	Cân băng tải, công suất 35 - 40 tấn/giờ, (có in mã cân và thiết bị chuyển dữ liệu về máy tính) 01 bộ	110		110	81,5		81,5	
4.	Xí nghiệp Vĩnh Thắng	8.786	5.239	3.547	7.881,9	4.667,3	3.214,6	
4.1	Đầu tư mới máy tách màu, Model SC12 Plus	1.590	1.113	477	1.571,6	1.047	524,6	
4.2	Máy nén khí 100 Hp Hitachi và thiết bị phụ trợ phục vụ cho máy tách màu mới	600	420	180	538	376	162,0	
4.3	Khung sàn máy tách màu mới và băng tải	850	595	255	813,5	569	244,1	
4.4	Thiết bị phụ trợ: Bù đài, hệ thống điện, cân định lượng gạo phế phục vụ máy tách màu mới	800	560	240	763,5	534,40	229,1	

4.5	Đầu tư 06 băng tải ngang cao su di động B600, dài 8 m, công suất 60 tấn/giờ	360		360	351,3		351,3	
4.6	Hệ thống băng tải nhập, xuất phía bờ kênh nội bộ và thiết bị phụ trợ	500	350	150	473,4	331,60	141,8	
4.7	Hệ thống băng tải nhập, xuất phía bờ sông Xáng Cụt và thiết bị phụ trợ	500	350	150	491,4	343,90	147,5	
4.8	Sàng tạp chất lúa 30 - 35 tấn/giờ (2 bộ); bù đãi 400 đầu vào lò sấy lúa vĩ ngang, công suất 30 - 40 tấn/giờ (02 bộ)	500	350	150	456,0	319,20	136,8	
4.9	Băng tải ngang cao su di động B600, dài 5,9 m, công suất 60 tấn/giờ	60		60	52,5		52,5	
4.10	Cân băng tải, công suất 35 - 40 tấn/giờ	80		80	73,5		73,5	
4.11	Đầu tư 07 băng tải di động dài 7 m, công suất 60 tấn/giờ	450	315	135	338,0	236,6	101,4	
4.12	Đầu tư cân đóng gói 0,8 kg – 10 kg, năng suất 700 -900 túi/giờ và thiết bị phụ trợ (05 bộ): Cân, thùng chứa, băng tải dưới cân, máy hàn miệng túi	980	686	294	839,9	587,90	252,0	
4.13	Cân băng tải, công suất 35 - 40 tấn/giờ, (có in mã cân và thiết bị chuyển dữ liệu về máy tính) 02 bộ	220		220	200,0		200,0	
4.14	Thùng chứa ủ gạo 3 ngăn, sức chứa 300 tấn + móng thùng chứa	714	500	214	459,0	321,3	137,7	Giảm giá trị KH đầu tư
4.15	Hệ thống điện cấp cho lau bóng sau Sortex	192		192	191,4		191,4	Hạng mục bổ sung
4.16	Thiết bị phụ trợ lắp đặt cho 3 thùng chứa ủ gạo	390		390	268,9		268,9	

5.	Xí nghiệp Tân Phú	1.220	280	940	1.064,9	231,0	833,9	
5.1	Cung cấp, lắp đặt 04 bộ cân đóng gói túi 0,8 – 10 kg, năng suất 700 - 900 túi/giờ (thay thế 04 cân cũ)	300		300	285,6		285,6	
5.2	Hệ thống băng tải liệu rời B500, công suất 30 - 40 tấn/giờ (28 m, 24 m, 8 m) và thiết bị phụ trợ chuyển gạo về 4 thùng chứa	400	280	120	330	231	99,0	
5.3	Xây dựng mới nhà kiểm phẩm	160		160	147,4		147,4	
5.4	Xây dựng nhà ăn tập thể	250		250	220,4		220,4	
5.5	Cân băng tải, công suất 35 - 40 tấn/giờ, (có in mã cân và thiết bị chuyển dữ liệu về máy tính) 01 bộ	110		110	81,5		81,5	
6.	Xí nghiệp An Bình	-	-	-				
6.1	Mua mới bơm xăng balckmer			-	Hạng mục không thực hiện, để chuyển giá trị đầu tư sang hạng mục đầu tư khác			
7.	Xí nghiệp Hòn Chông	1.774	-	1.774	1.667,1	-	1.667,1	
7.1	Đầu tư mở rộng giàn phơi vĩ giai đoạn 2 (3.000 vĩ)				Hạng mục không thực hiện, để chuyển giá trị đầu tư sang hạng mục đầu tư khác			
7.2	Thiết bị bơm nhiệt và thiết bị phụ trợ	770		770	760,5		760,5	Hạng mục bổ sung
7.3	Phòng sấy Panle (KT: 7 m x 8 m x 3 m)	391		391	390,1		390,1	
7.4	Nhà bao che và nền kho (KT: 13 m x 10 m)	270		270	239,6		239,6	
7.5	Xe chứa vĩ cá 16 xe (KT: 86 cm x 170 cm)	251		251	251		251,0	
7.6	Hệ thống điện	20		20	20		20,0	
7.7	Dự phòng phí	72		70	5,9		5,9	
8.	Văn phòng Công ty	300		300	286		286	
8.1	Đầu tư công tác chuyển đổi số, gồm:	300		300	286		286	

	- Đầu tư mới Server				166		166	
	- Phần mềm quản lý kinh doanh DaMi ERP				120		120	
	Tổng cộng	16.675	7.430	9.245	14.880	6.562	8.318	

(Giá trị đầu tư trên chưa bao gồm thuế, phí theo quy định)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 03/BC-XNK-BKS

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2025
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

*Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;*

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Cùng kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát năm 2025, các kiểm soát viên đã họp và nhất trí thông qua Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2025.

Và sau đây, Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang các nội dung chính như sau:

I. Về hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có 3 người, gồm
 - Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách;
 - Ông Trần Công Lý – Thành viên BKS kiêm nhiệm;
 - Bà Trần Thị Phương Lan – Thành viên BKS kiêm nhiệm.
2. Về tổ chức các cuộc họp
 - Trong năm BKS tổ chức 02 cuộc họp để thảo luận về các vấn đề liên quan đến kế hoạch công tác kiểm tra, kiểm soát, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, các cuộc họp được lập biên bản đầy đủ và thống nhất cao giữa các thành viên.
3. Các công tác đã thực hiện năm 2025
 - Tham gia đầy đủ các cuộc họp liên quan, theo yêu cầu của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, để nắm bắt tình hình quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản và công tác hạch toán kế toán tại Công ty.
 - Theo dõi việc công bố thông tin và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định.
 - Xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán.
 - Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, kiểm tra sổ sách báo cáo kế toán của Công ty định kỳ 6 tháng và cả năm.
 - Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.
4. Về thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát



- Được chi trả theo chế độ và phê duyệt của ĐHĐCĐ. Các thành viên BKS kiêm nhiệm được hưởng thù lao nằm trong hạn mức đã được phê duyệt là 7,5 triệu đồng/người/tháng.

- Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát chủ yếu là chi cho các khoản công tác phí đi lại kiểm tra tại các đơn vị định kỳ, được Công ty thanh toán đúng theo quy định pháp luật.

Qua kiểm tra, Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động quản lý, điều hành cơ bản tuân thủ quy định pháp luật và điều lệ Công ty.

II. Đánh giá hoạt động quản trị và Ban điều hành

Ban kiểm soát nhận thấy:

- Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Công tác quản lý tài chính, công nợ, hàng tồn kho có chuyển biến tích cực;

- Công ty vẫn còn chịu áp lực về thị trường và vốn lưu động, cần tiếp tục kiểm soát rủi ro tài chính trong thời gian tới;

- Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát luôn có sự phối hợp chặt chẽ, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được bàn bạc và thảo luận, biểu quyết công khai, đúng quy định, Ban điều hành Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm 2025.

III. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025

Ban kiểm soát đã xem xét Báo cáo tài chính năm 2025 và ghi nhận một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

- Doanh thu thuần: 5.231.522.175.716 đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 20.885.546.568 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế: 14.480.858.181 đồng.

So với năm 2024:

- Doanh thu thuần giảm do tình hình thị trường và hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế tăng đáng kể (năm 2024 đạt 5.233.868.802 đồng), cho thấy Công ty đã cải thiện hiệu quả quản trị chi phí và hoạt động tài chính.

2. Tình hình tài sản và nguồn vốn

Tại ngày 31/12/2025:

- Tổng tài sản: 657.640.156.663 đồng.

- Nợ phải trả: 383.137.514.645 đồng.

- Vốn chủ sở hữu: 274.502.642.018 đồng.

Nhìn chung cơ cấu tài chính của Công ty được duy trì ổn định, vốn chủ sở hữu tăng nhờ kết quả kinh doanh có lãi.

3. Công tác tài chính-kế toán

Ban kiểm soát nhận thấy:

- Báo cáo tài chính được lập phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Số liệu phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

- Việc quản lý vốn và tài sản được thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Về công tác đầu tư năm 2025

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2025: HĐQT đã chỉ đạo triển khai được 42/42 hạng mục, với tổng giá trị 14.880 triệu đồng, đạt 89,24% so với kế hoạch¹, tương đương tiết giảm được 2.195 triệu đồng. Do Công ty tìm kiếm được nhiều đơn vị thi công, lắp đặt để thực

¹ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 60/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 15/5/2025 của Công ty CP XNK Kiên Giang.

hiện chào giá, đàm phán giá cạnh tranh khi ký hợp đồng nên giá trị đầu tư giảm so với kế hoạch.

Ban kiểm soát nhận định HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã triển khai nghiêm túc các kế hoạch đầu tư theo đúng định hướng phát triển của công ty.

5. Về kết quả thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông

Về nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025, công ty đã thực hiện với kết quả như sau:

- Công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 là Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

- Công ty đã thực hiện chi tiền lương, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, ban điều hành năm 2025 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thực hiện đạt kế hoạch các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo NQ Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 theo nghị Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025 như sau:

- + Chia cổ tức: 4.450.250.000 đồng.

- + Quỹ thưởng người quản lý: 78.508.032 đồng.

- + Quỹ đầu tư phát triển: 261.693.440 đồng.

- + Quỹ phúc lợi: 523.386.880 đồng.

- + Quỹ tham gia hoạt động từ thiện: 27.894.740 đồng.

6. Đánh giá về các giao dịch mua, bán với các bên có liên quan với Công ty

Trong năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng mua hàng hóa với Tổng công ty Lương thực miền Nam (Công ty mẹ) và các bên có liên quan theo đúng quy định, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

IV. Kết quả hoạt động của BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026

1. Nhân sự của Ban Kiểm soát

Nhiệm kỳ 2021 – 2026, BKS hoạt động theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ. Trong nhiệm kỳ có sự thay đổi nhân sự nhằm phù hợp với yêu cầu quản trị. Cụ thể:

- Ngày 28/3/2023, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc miễn nhiệm bà Vũ Thị Minh Hiền và bầu bổ sung Ông Nguyễn Trường Giang làm Thành viên BKS.

- Ngày 15/4/2024, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Ông Nguyễn Trường Giang và bầu bổ sung ông Trần Công Lý làm Thành viên BKS.

- Đến cuối nhiệm kỳ, BKS gồm 03 thành viên:

- (i) Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng BKS chuyên trách.

- (ii) Bà Trần Thị Phương Lan – Thành viên BKS không chuyên trách.

- (iii) Ông Trần Công Lý – Thành viên BKS không chuyên trách.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong nhiệm kỳ 2021 – 2026, BKS đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của BKS và các quy chế quản lý nội bộ công ty, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty.

- Thực hiện giám sát HĐQT, ban điều hành trong công tác quản trị, quản lý và điều hành Công ty.

- Thẩm định các báo cáo soát xét bán niên, báo cáo tài chính năm và kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư hàng năm của Công ty.

- Tham gia có ý kiến, đóng góp sửa đổi, bổ sung hệ thống Quy chế quản lý nội bộ Công ty phù hợp với Quy chế của Tổng công ty, của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.

- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị và thực hiện các công việc khác theo quy định.

- Thực hiện và kết hợp với các phòng nghiệp vụ Công ty kiểm tra hoạt động tại các đơn vị phụ thuộc Công ty.

3. Kết quả kinh doanh nhiệm kỳ 2021 – 2026

3.1 Bản cân đối kế toán qua các năm

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Mã	31/12/ 2021	31/12/ 2022	31/12/ 2023	31/12/ 2024	31/12/ 2025
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100	707,27	805,02	865,55	853,90	487,92
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	26,30	473,32	149,46	22,10	63,00
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	358,18	94,84	169,42	258,63	80,57
Hàng tồn kho	140	288,14	194,61	492,18	525,11	233,17
Tài sản ngắn hạn khác	150	34,65	42,25	54,48	48,06	111,18
Tài sản dài hạn	200	209,64	203,22	191,64	182,43	169,72
Các khoản phải thu dài hạn	210	0,048	0,048	0,075	0,075	0,075
Tài sản cố định	220	153,07	144,85	133,72	122,26	123,18
Tài sản dở dang dài hạn	240	1,36	1,36	1,36	2,15	1,36
Tài sản dài hạn khác	260	55,16	56,96	56,49	57,94	45,10
TỔNG TÀI SẢN	270	916,91	1.008,23	1.057,19	1.036,33	657,64
NGUỒN VỐN		-	-	-	-	-
Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300	646,13	744,21	786,14	771,23	383,14
Nợ ngắn hạn	310	646,13	741,45	783,10	769,38	379,70
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	530,63	616,69	380,43	690,22	180,39
Nợ dài hạn	330	-	2,77	3,04	1,85	3,44
Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400	270,78	264,02	271,05	265,10	274,50
Vốn chủ sở hữu	410	270,78	264,02	271,05	265,10	274,50
Vốn góp chủ sở hữu	411	254,30	254,30	254,30	254,30	254,30
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	13,83	5,68	12,54	5,34	14,48
TỔNG NGUỒN VỐN	440	916,91	1.008,23	1.057,19	1.036,33	657,64

3.2. Báo cáo kết quả kinh doanh

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mã số	2021	2022	2023	2024	2025	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	4.629,24	4.258,63	7.282,20	7.403,99	5.232,31	28.806,38
Các khoản giảm trừ doanh thu	2	3,80	0,75	14,35	1,01	0,79	20,71
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	4.625,44	4.257,88	7.267,85	7.402,98	5.231,52	28.785,67
Giá vốn hàng bán	11	4.310,96	3.794,19	6.585,98	6.773,86	4.670,34	26.135,33
Lợi nhuận/(lỗ) gộp (20 = 10 - 11)	20	314,48	463,69	681,87	629,12	561,18	2.650,34
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30,77	34,97	60,32	51,12	35,70	212,89
Chi phí tài chính	22	32,13	67,31	107,87	97,34	56,76	361,41
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	21,29	27,99	58,24	60,40	30,82	198,74
Chi phí bán hàng	25	267,42	376,15	528,09	501,46	445,49	2.118,61
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28,68	34,44	65,46	66,38	72,25	267,20
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	17,03	20,77	40,76	15,07	22,38	116,01
Thu nhập khác	31	4,83	1,99	2,52	0,49	0,39	10,21
Chi phí khác	32	4,05	11,80	22,26	0,30	1,88	40,28
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	0,78	(9,81)	(19,74)	0,19	(1,49)	(30,07)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	17,81	10,96	21,03	15,26	20,89	85,93
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3,98	5,28	8,52	10,02	6,40	34,20
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60	13,83	5,68	12,50	5,23	14,48	51,73

4. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong nhiệm kỳ 2021 – 2026

4.1. Hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý điều hành.

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026 có nhiều thay đổi về nhân sự thành viên HĐQT, nhưng vẫn đảm bảo việc tổ chức thực hiện điều hành nghiêm túc, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm.

- Chủ tịch HĐQT và các thành viên đã thể hiện vai trò định hướng chiến lược cho Công ty, đặc biệt là vai trò chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

- HĐQT và Ban TGD đã thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

- HĐQT và Ban TGD đã tích cực, chủ động trong chỉ đạo, điều hành hoạt động SXKD và đầu tư hàng năm đều đạt kết quả tốt, nộp ngân sách theo đúng quy định, đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định của Người lao động.

Đánh giá: Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình, BKS đánh giá HĐQT và Ban TGD đã hoàn thành tốt nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm.

4.2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban TGD Công ty.

Trong nhiệm kỳ 2021–2026, Ban Kiểm soát duy trì mối quan hệ phối hợp chặt chẽ, đúng chức năng và thẩm quyền với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. HĐQT và Ban TGD đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, tài liệu, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định.

Công tác trao đổi, phối hợp được thực hiện thường xuyên, kịp thời, góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong quản trị và điều hành doanh nghiệp. Các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát được HĐQT và Ban TGD tiếp thu, chỉ đạo xử lý kịp thời.

5. Báo cáo chi phí, thù lao của BKS trong nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Tiền lương và thù lao của BKS trong nhiệm kỳ 2021 – 2026 được Công ty thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và quy định pháp luật hiện hành.

V. Kiến nghị

1. Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và kiểm soát chi phí hoạt động.
2. Tăng cường quản lý công nợ phải thu, hạn chế rủi ro tài chính.
3. Có giải pháp tối ưu hàng tồn kho và dòng tiền.
4. Đẩy mạnh tìm kiếm thị trường và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

VI. Phương hướng nhiệm vụ Ban kiểm soát năm 2026

Trong năm 2026, Ban kiểm soát tập trung thực hiện các nhiệm vụ:

1. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026.
2. Tăng cường kiểm tra chuyên đề về tài chính, công nợ và quản lý vốn.
3. Giám sát việc tuân thủ pháp luật, điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và báo cáo năm.
5. Phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua báo cáo hoạt động năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026.

Xin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Mai Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 47/TTr-XNK-HĐQT

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam ký ngày 25/02/2026.

Báo cáo tài chính được lập bao gồm báo cáo tài chính riêng đã được công bố thông tin và đăng tải Website của Công ty tại địa chỉ: kigimex.com.vn.

1. Báo cáo kiểm toán độc lập.
2. Bảng cân đối kế toán.
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và được công bố thông tin, trong đó ý kiến kết luận của Kiểm toán viên được trình bày nội dung như sau:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

(Đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bạch Ngọc Văn

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiến Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiến Giang (sau đây gọi là "Công ty") được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiến Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiến Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang (nay đã sáp nhập và trở thành Sở Tài chính tỉnh An Giang) cấp lần đầu ngày 07/11/2005, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 22 ngày 06/01/2026.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 22 ngày 06/01/2026 là 254.300.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM. Mã cổ phiếu: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên
Bà Trần Tú Khanh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban
Ông Trần Công Lý	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Bà Dương Thị Thanh Nguyệt

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2026

Số: 71/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, được lập ngày 12/01/2026, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Lê Thanh Tùng Lâm

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		487.920.895.644	853.900.016.529
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	63.000.304.273	22.096.855.325
1. Tiền	111		33.000.304.273	22.096.855.325
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.572.523.330	258.633.275.627
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	77.306.306.134	258.082.778.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.445.289.197	704.341.990
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	262.774.683	288.002.276
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(441.846.684)	(441.846.684)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	233.170.838.952	525.106.170.194
1. Hàng tồn kho	141		249.364.263.496	534.818.676.296
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.193.424.544)	(9.712.506.102)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		111.177.229.089	48.063.715.383
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	903.561.845	1.756.461.002
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		110.273.547.244	46.307.134.381
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	120.000	120.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		169.719.261.019	182.431.144.099
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.000.000	75.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	75.000.000	75.000.000
II. Tài sản cố định	220		123.184.082.275	122.264.005.102
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	123.065.015.608	122.264.005.102
- Nguyên giá	222		480.341.015.482	464.335.338.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(357.275.999.874)	(342.071.333.810)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	119.066.667	-
- Nguyên giá	228		120.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(933.333)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.356.388.307	2.153.188.307
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.356.388.307	2.153.188.307
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		45.103.790.437	57.938.950.690
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	45.103.790.437	57.938.950.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		657.640.156.663	1.036.331.160.628

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		383.137.514.645	771.229.517.139
I. Nợ ngắn hạn	310		379.695.214.645	769.379.417.139
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	99.494.322.997	19.218.399.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	34.081.350.872	6.912.098.944
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.946.267.924	7.325.080.790
4. Phải trả người lao động	314		18.499.352.232	10.603.939.062
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	25.509.371.893	19.989.653.148
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	113.752.489	614.028.500
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	180.386.828.658	690.222.039.497
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		16.682.000.000	12.471.000.000
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.981.967.580	2.023.177.568
II. Nợ dài hạn	330		3.442.300.000	1.850.100.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	3.442.300.000	1.850.100.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		274.502.642.018	265.101.643.489
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	274.502.642.018	265.101.643.489
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.300.000.000	254.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.300.000.000	254.300.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.721.783.837	5.460.090.397
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.480.858.181	5.341.553.092
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	107.684.290
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.480.858.181	5.233.868.802
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		657.640.156.663	1.036.331.160.628

An Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Chúc Hà

Trần Thị Diệp

Dương Thị Thanh Nguyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.232.309.511.462	7.403.990.025.919
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	787.335.746	1.009.800.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	5.231.522.175.716	7.402.980.225.919
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.670.340.994.135	6.773.860.280.371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		561.181.181.581	629.119.945.548
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	35.698.165.407	51.122.962.796
7. Chi phí tài chính	22	6.4	56.759.083.379	97.339.539.203
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.824.101.042	60.402.468.567
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	445.493.788.919	501.457.340.414
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	72.250.730.446	66.375.424.813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		22.375.744.244	15.070.603.914
11. Thu nhập khác	31	6.7	390.453.600	486.253.199
12. Chi phí khác	32	6.7	1.880.651.276	298.787.696
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	(1.490.197.676)	187.465.503
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		20.885.546.568	15.258.069.417
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	6.404.688.387	10.024.200.615
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		14.480.858.181	5.233.868.802
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	569	181

Người lập biểu

Kế toán trưởng

An Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2026
Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Chúc Hà

Trần Thị Diệp

Dương Thị Thanh Nguyệt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.885.546.568	15.258.069.417
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	15.205.599.397	15.160.067.909
- Các khoản dự phòng	03	10.691.918.442	(18.270.180.700)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	169.338.054	6.651.392.244
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(116.237.595)	(149.161.036)
- Chi phí lãi vay	06	30.824.101.042	60.402.468.567
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	77.660.265.908	79.052.656.401
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	114.006.019.362	(82.018.938.652)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	285.454.412.800	(9.699.474.162)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	120.780.760.748	(330.174.860.250)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	13.688.059.410	(1.881.215.136)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(31.272.510.851)	(60.149.107.174)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.783.535.733)	(8.713.694.598)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	17.550.000	20.900.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(660.654.900)	(1.544.484.358)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	568.890.366.744	(415.108.217.929)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(15.328.876.570)	(4.502.577.940)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	92.812.937	149.161.036
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.236.063.633)	(4.353.416.904)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.675.807.141.520	6.289.003.648.153
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.184.050.152.359)	(5.987.378.153.297)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.450.250.000)	(9.536.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(512.693.260.839)	292.089.244.856
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	40.961.042.272	(127.372.389.977)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.096.855.325	149.461.474.363
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(57.593.324)	7.770.939
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 5.1	63.000.304.273	22.096.855.325

An Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Chúc Hà

Trần Thị Diệp

Đương Thị Thanh Nguyệt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang (nay đã sáp nhập và trở thành Sở Tài chính tỉnh An Giang) cấp lần đầu ngày 07/11/2005, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 22 ngày 06/01/2026.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 22 ngày 06/01/2026 là 254.300.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM.

Mã cổ phiếu: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 275 người (tại ngày 31/12/2024 là 270 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Trồng lúa;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Xây xát và sản xuất bột thô;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty) - Kinh doanh củi trấu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn xi măng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (mì, miến đóng gói,...); thực phẩm khác (cá đóng hộp, cà phê đóng gói, cà phê sữa, sữa milo, đậu ăn, nước mắm, nước tương, tương ớt, hạt nêm, trà,...); thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ bia, nước ngọt, trà xanh các loại, nước yến, nước tinh khiết đóng chai, sừng sâm, trái vải,...;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (bông giấy vệ sinh, tã, nước tẩy, xà bông bột, nước xả, nhang muỗi,...);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu./

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 31/12/2025 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	25 Vũ Tông Phan, phường Bình Trung, thành phố Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa	44 đường Ngô Thời Nhiệm, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Tập đoàn 4, Ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Tuy, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Tổ 1, Ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông	Tổ 4, ấp Hòn Chông, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu An Bình	44 đường Ngô Thời Nhiệm, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ giao dịch phát sinh tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)***Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính***

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2025.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương đương với thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm liên quan.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- **Phải trả người bán:** Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, (gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết);
- **Phải trả khác:** Gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: Trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài khác: Được trích trước khi thực tế Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ liên quan, tuy nhiên chưa nhận được hóa đơn, giá trị trích trước được căn cứ vào hợp đồng, hoặc thỏa thuận giữa Công ty và nhà cung ứng.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt mức chia cổ tức.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (các mặt hàng lương thực như lúa gạo, cá cơm và các mặt hàng xăng, dầu, dầu nhờn) và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cũng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân giá quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ mà Công ty sản xuất ra, do vậy báo cáo chính yếu được lập căn cứ vào thông tin về lĩnh vực kinh doanh (kinh doanh lương thực, kinh doanh cá cơm, kinh doanh xăng dầu). Báo cáo thứ yếu được lập căn cứ vào thông tin về khu vực địa lý, vị trí của các khách hàng của Công ty (xuất khẩu, nội địa).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	362.451.000	548.935.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.637.853.273	21.547.920.325
Các khoản tương đương tiền (i)	30.000.000.000	-
Tổng	63.000.304.273	22.096.855.325

- (i) Khoản tương đương tiền là tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang có kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 4,75%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Sikakroabea Co.Ltd	33.806.775.111	169.407.442.678
Three Hills Ghana Limited	-	22.408.875.553
Công ty Cổ phần Chế biến	-	36.396.914.375
Xuất nhập khẩu Ngọc Thiên Hương	-	-
Louis Dreyfus Company Asia PTE Ltd	16.508.804.473	47.976.900
Olam Global Agri PTE Ltd	11.549.535.896	-
Các đối tượng khác	15.441.190.654	29.821.568.539
Tổng (i)	77.306.306.134	258.082.778.045

- (i) Trong đó, quyền đòi nợ bao gồm số dư nợ phải thu khách hàng của các khách hàng xuất khẩu tại ngày 31/12/2025 là 72.101.292.398 VND (tại ngày 31/12/2024 là 197.452.881.454 VND) và lợi ích từ các Hợp đồng bán gạo với khách hàng được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng (Thuyết minh số 5.16).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Xây dựng Hân Phát Kiên Giang	-	356.878.253
Công ty Cổ phần Enco	246.418.200	-
Công ty TNHH MTV Phát Phước Thành	2.340.000.000	-
Trung tâm Xúc Tiến Thương Mại Nông Nghiệp	420.700.000	-
Các đối tượng khác	438.170.997	347.463.737
Tổng	3.445.289.197	704.341.990

5.4 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	262.774.683	(126.350.025)	288.002.276	(126.350.025)
- Phải thu người lao động	113.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	149.774.683	(126.350.025)	288.002.276	(126.350.025)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.424.658	-	-	-
- Các khoản khác	126.350.025	(126.350.025)	288.002.276	(126.350.025)
b) Dài hạn	75.000.000	-	75.000.000	-
- Kỳ cược ký quỹ dài hạn	75.000.000	-	75.000.000	-
Tổng	337.774.683	(126.350.025)	363.002.276	(126.350.025)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	31/12/2025 (VND)			Thời gian quá hạn	01/01/2025 (VND)		
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Các khoản phải thu khách hàng		199.757.000	-	(199.757.000)		199.757.000	-	(199.757.000)
Công ty TNHH Mỹ Nghi - Nguyễn Ngọc Thảo	Trên 3 năm	129.757.000	-	(129.757.000)	Trên 3 năm	129.757.000	-	(129.757.000)
Công ty TNHH Tâm Hùng	Trên 3 năm	70.000.000	-	(70.000.000)	Trên 3 năm	70.000.000	-	(70.000.000)
Trả trước cho người bán		115.739.659	-	(115.739.659)		115.739.659	-	(115.739.659)
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Duy Tân	Trên 3 năm	65.739.659	-	(65.739.659)	Trên 3 năm	65.739.659	-	(65.739.659)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Bảo	Trên 3 năm	50.000.000	-	(50.000.000)	Trên 3 năm	50.000.000	-	(50.000.000)
Phải thu khác		126.350.025	-	(126.350.025)		126.350.025	-	(126.350.025)
Công ty TNHH Hoàng Mỹ	Trên 3 năm	51.385.725	-	(51.385.725)	Trên 3 năm	51.385.725	-	(51.385.725)
DNTN Mê Linh, An Giang	Trên 3 năm	40.808.300	-	(40.808.300)	Trên 3 năm	40.808.300	-	(40.808.300)
DNTN Út Hoàng (Lê Thị Hoàng)	Trên 3 năm	34.156.000	-	(34.156.000)	Trên 3 năm	34.156.000	-	(34.156.000)
Tổng		441.846.684	-	(441.846.684)		441.846.684	-	(441.846.684)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	3.727.314.815	-	4.131.353.482	-
Nguyên liệu, vật liệu	122.508.707.940	(6.952.742.122)	68.963.353.520	(7.394.189.725)
Công cụ, dụng cụ	17.801.819.962	-	1.352.890.023	-
Thành phẩm	28.251.764.901	(1.541.974.028)	91.301.940.797	(2.306.973.340)
Hàng hóa	77.074.655.878	(7.698.708.394)	369.069.138.474	(11.343.037)
Tổng	249.364.263.496	(16.193.424.544)	534.818.676.296	(9.712.506.102)

Giá trị hàng tồn kho, bao gồm nguyên liệu chính, thành phẩm và hàng hóa, luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang hình thành từ vốn vay được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng tại ngày 31/12/2025 là 224.265.980.112 VND (tại ngày 01/01/2025: 523.564.645.215 VND). Chi tiết tại Thuyết minh số 5.16.

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	903.561.845	1.756.461.002
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	643.289.599	764.471.102
Chi phí sửa chữa tài sản	158.262.514	837.177.931
Chi phí bảo hiểm	-	58.900.533
Chi phí bốc xếp, dỡ học, gia công hàng chờ xuất	42.170.566	30.210.511
Chi phí trả trước khác	59.839.166	65.700.925
b) Dài hạn	45.103.790.437	57.938.950.690
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	441.447.307	1.405.145.779
Chi phí sửa chữa tài sản	-	10.677.670.667
Chi phí bảo hiểm	102.880.406	93.319.616
Tiền thuê đất trả trước (i)	44.171.608.295	45.423.103.391
Chi phí trả trước khác	387.854.429	339.711.237
Tổng	46.007.352.282	59.695.411.692

- (i) Tiền thuê đất trả trước trình bày giá trị còn lại của các quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ đất giao có thu tiền sử dụng đất với thời hạn thuê tối đa 50 năm. Theo các văn bản của Cục thuế tỉnh An Giang, các lô đất này không phải trả tiền thuê đất trong khoảng thời gian còn lại.

Tại ngày 31/12/2025, giá trị còn lại chưa phân bổ của các quyền sử dụng đất thuê đề cập bên trên đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại cổ phần là 30.521.239.602 VND (tại ngày 01/01/2025: 43.865.976.020 VND). Chi tiết tại Thuyết minh số 5.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	227.794.301.937	155.689.578.779	78.197.553.520	1.082.150.830	1.571.753.846	464.335.338.912
Tăng trong năm	976.490.498	9.184.631.905	5.677.954.167	166.600.000	-	16.005.676.570
Mua trong năm	-	9.184.631.905	5.677.954.167	166.600.000	-	15.029.186.072
Xây dựng cơ bản hoàn thành	976.490.498	-	-	-	-	976.490.498
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	228.770.792.435	164.874.210.684	83.875.507.687	1.248.750.830	1.571.753.846	480.341.015.482
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2025	159.190.415.744	113.625.659.502	66.871.486.510	883.343.221	1.500.428.833	342.071.333.810
Tăng trong năm	5.812.375.562	6.918.968.985	2.398.194.007	54.358.978	20.768.532	15.204.666.064
Khấu hao trong năm	5.812.375.562	6.918.968.985	2.398.194.007	54.358.978	20.768.532	15.204.666.064
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	165.002.791.306	120.544.628.487	69.269.680.517	937.702.199	1.521.197.365	357.275.999.874
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	68.603.886.193	42.063.919.277	11.326.067.010	198.807.609	71.325.013	122.264.005.102
Tại ngày 31/12/2025	63.768.001.129	44.329.582.197	14.605.827.170	311.048.631	50.556.481	123.065.015.608

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 104.328.877.749 VND (tại ngày 01/01/2025: 95.934.132.817 VND).

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đang được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 84.491.529.747 VND (tại ngày 01/01/2025: 90.072.274.698 VND).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2025 là 19.202.698.267 VND (tại ngày 01/01/2025: 19.588.128.360 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	-	-
Tăng trong năm	120.000.000	120.000.000
Mua trong năm	120.000.000	120.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	120.000.000	120.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	-	-
Tăng trong năm	933.333	933.333
Khấu hao trong năm	933.333	933.333
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	933.333	933.333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	119.066.667	119.066.667

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Mua sắm	-	796.800.000
Mua tàu cá, hoán cải tàu cá	-	796.800.000
b) Xây dựng cơ bản	1.356.388.307	1.356.388.307
Công trình mở rộng sản phôi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm (i)	1.356.388.307	1.356.388.307
Tổng	1.356.388.307	2.153.188.307

- (i) Chi phí đầu tư cho Công trình mở rộng sản phôi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm bao gồm tiền chi để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi phí tư vấn, và các khoản chi phí đầu tư khác. Ngày 20/6/2024, Công ty đã gửi văn bản số 21/TTr-XNK-KTĐT đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại tỉnh Kiên Giang để đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện dự án mở rộng sản phôi cá cơm, nhà ở công nhân năm 2024, đồng thời, Công ty đã thực hiện ước tính nghĩa vụ thuế dự kiến phải nộp khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất sản xuất phi nông nghiệp. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được phản hồi chính thức từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Ngọc Thiên Hương	-	-	714.694.400	714.694.400
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến lương thực Thắng Lợi	-	-	2.830.000.000	2.830.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất khẩu Gạo Ngọc Hân Lê	-	-	2.654.509.000	2.654.509.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngọc Quang Phát	-	-	11.668.640.500	11.668.640.500
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	-	1.198.899.020	1.198.899.020
Công ty Cổ phần Hoàng Minh Nhật	72.000.000.000	72.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tân Trường Thịnh	15.483.760.686	15.483.760.686	-	-
Phải trả người bán khác	12.010.562.311	12.010.562.311	151.656.710	151.656.710
Tổng	99.494.322.997	99.494.322.997	19.218.399.630	19.218.399.630
<i>Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>6.128.037.000</i>	<i>6.128.037.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Three Hills Ghana Limited	15.995.837.264	-
Zest (Fzc)	11.880.086.125	-
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Minh	-	1.020.800.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngọc Quang Phát	-	3.955.471.650
Đối tượng khác	6.205.427.483	1.935.827.294
Tổng	34.081.350.872	6.912.098.944
<i>Trong đó,</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>2.219.417.099</i>	<i>-</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/6/2025
Phải nộp	7.325.080.790	7.418.307.961	11.797.120.827	2.946.267.924
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.204.459.514	6.404.688.387	10.783.535.733	2.825.612.168
Thuế thu nhập cá nhân	120.621.276	514.284.811	514.250.331	120.655.756
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	486.334.763	486.334.763	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.000.000	13.000.000	-
Phải thu	120.000	-	-	120.000
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	120.000	-	-	120.000

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước chi phí lãi vay	146.637.991	595.047.800
Trích trước các khoản chi phí làm hàng	20.784.242.510	18.517.891.193
Trích trước chi phí vận chuyển	4.186.886.840	-
Trích trước chi phí sửa chữa	26.487.404	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	365.117.148	876.714.155
Tổng	25.509.371.893	19.989.653.148

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả ngắn hạn khác	113.752.489	614.028.500
Tổng	113.752.489	614.028.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

Ghi chú	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	180.386.828.658	180.386.828.658	3.674.214.941.520	4.184.050.152.359	690.222.039.497	690.222.039.497
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>177.619.028.658</i>	<i>177.619.028.658</i>	<i>3.671.447.141.520</i>	<i>4.180.900.555.618</i>	<i>687.072.442.756</i>	<i>687.072.442.756</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang	-	-	745.605.073.560	805.035.361.420	59.430.287.860	59.430.287.860
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	59.643.928.000	59.643.928.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (i)	177.619.028.658	177.619.028.658	1.201.532.619.710	1.377.240.209.948	353.326.618.896	353.326.618.896
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn	-	-	310.800.015.000	353.623.491.000	42.823.476.000	42.823.476.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	979.490.723.000	1.081.899.131.000	102.408.408.000	102.408.408.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Cần Thơ	-	-	324.156.820.000	453.240.472.000	129.083.652.000	129.083.652.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	19.466.672.250	19.466.672.250	-	-
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - CN Cần Thơ	-	-	1.723.150.000	1.723.150.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	3.231.000.000	3.231.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Kiên Giang	-	-	25.797.140.000	25.797.140.000	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>2.767.800.000</i>	<i>2.767.800.000</i>	<i>2.767.800.000</i>	<i>3.149.596.741</i>	<i>3.149.596.741</i>	<i>3.149.596.741</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (ii)	2.767.800.000	2.767.800.000	2.767.800.000	3.149.596.741	3.149.596.741	3.149.596.741

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Ghi chú	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn (trung trước chuyển sang)	180.386.828.658	180.386.828.658	3.674.214.941.520	4.184.050.152.359	690.222.039.497	690.222.039.497
b) Vay dài hạn	3.442.300.000	3.442.300.000	4.360.000.000	2.767.800.000	1.850.100.000	1.850.100.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (ii)	3.442.300.000	3.442.300.000	4.360.000.000	2.767.800.000	1.850.100.000	1.850.100.000
Tổng	183.829.128.658	183.829.128.658	3.678.574.941.520	4.186.817.952.359	692.072.139.497	692.072.139.497

(i) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc ("BIDV Phú Quốc") theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/679501/HĐTD ngày 19/8/2025 với các thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức cấp tín dụng	: 400.000.000.000 VND;
Thời hạn hiệu lực	: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng nhưng không quá ngày 15/8/2026;
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
Lãi suất	: Được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của BIDV Phú Quốc;
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Khoản vay được đảm bảo tài sản thuộc sở hữu Công ty bao gồm: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của Công ty; xe ô tô; tàu cá; máy móc thiết bị; toàn bộ hàng hóa luân chuyển hình thành từ vốn vay do BIDV Phú Quốc tài trợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc ("BIDV Phú Quốc") theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 04/2023/679501/HĐTD ngày 30/6/2023:

Số tiền vay	: 800.000.000 VND;
Mục đích vay	: Mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
Thời hạn vay	: 36 tháng;
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn : 09%/tháng được áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của BIDV + Margin tối thiểu là 5% và được xác định, điều chỉnh 06 tháng một lần; Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
Thời hạn thanh toán nợ gốc	: Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng cấp tín dụng số 05/2023/679501/HĐTD ngày 01/12/2023:

Số tiền vay	: 1.200.000.000 VND;
Mục đích vay	: Mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
Thời hạn vay	: 36 tháng;
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn : 8,3%/tháng được áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + Margin tối thiểu là 4,7% và được xác định, điều chỉnh 06 tháng một lần; Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
Thời hạn thanh toán nợ gốc	: Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Tài sản hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2024/679501/HĐTD ngày 01/7/2024:

Số tiền vay	: 2.142.000.000 VND;
Mục đích vay	: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
Thời hạn vay	: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày BIDV Phú Quốc giải ngân đầu tiên;
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn: 8,5%/năm; áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của BDV + Margin tối thiểu 4,4%, được điều chỉnh 06 tháng 1 lần; Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;
Thời hạn thanh toán nợ gốc	: Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng tín dụng số 02/2025/679501/HĐTD ngày 20/10/2025:

Số tiền vay	: 4.360.000.000 VND;
Mục đích vay	: Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh;
Thời hạn vay	: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày BIDV Phú Quốc giải ngân đầu tiên;
Lãi suất	: Lãi suất cho vay trong hạn: 8,5%/năm; áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của BDV + Margin tối thiểu 2,9%, được điều chỉnh 06 tháng 1 lần; Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;
Thời hạn thanh toán nợ gốc	: Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
Hình thức đảm bảo tiền vay	: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại ngày 31/12/2025, tổng số dư nợ vay trung dài hạn tại BIDV Phú Quốc là 6.210.100.000 VND, trong đó, các khoản nợ vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng tiếp theo tính tại ngày 31/12/2025 là 2.767.800.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2024	254.300.000.000	4.209.733.538	12.543.773.009	271.053.506.547
Lãi trong năm trước	-	-	5.233.868.802	5.233.868.802
Chia cổ tức	-	-	(9.536.250.000)	(9.536.250.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.250.356.859	(1.250.356.859)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.250.356.860)	(1.250.356.860)
Trích Quỹ thưởng người quản lý	-	-	(299.125.000)	(299.125.000)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2024	254.300.000.000	5.460.090.397	5.341.553.092	265.101.643.489
Số dư tại ngày 01/01/2025	254.300.000.000	5.460.090.397	5.341.553.092	265.101.643.489
Lãi trong năm nay	-	-	14.480.858.181	14.480.858.181
Chia cổ tức (i)	-	-	(4.450.250.000)	(4.450.250.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	261.693.440	(261.693.440)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(523.386.880)	(523.386.880)
Trích Quỹ thưởng người quản lý (i)	-	-	(78.508.032)	(78.508.032)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội (i)	-	-	(27.714.740)	(27.714.740)
Số dư tại ngày 31/12/2025	254.300.000.000	5.721.783.837	14.480.858.181	274.502.642.018

(i) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 60/NQ-XNK-DHĐCĐ ngày 15/5/2025, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Trích lập Quỹ thưởng người quản lý: 1,5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 78.508.032 VND;
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 261.693.440 VND;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: tổng cộng 10% lợi nhuận sau thuế, tương đương 523.386.880 VND;
- Trích lập Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội: 0,5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 27.714.740 VND;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt: 1,75% trên vốn điều lệ (175 VND/cổ phần), tương đương 4.450.250.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	211.848.000.000	211.848.000.000
Các cổ đông khác	42.452.000.000	42.452.000.000
Tổng	254.300.000.000	254.300.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Cổ tức đã chia	4.450.250.000	9.536.250.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025 Cổ phiếu	01/01/2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.721.783.837	5.460.090.397
Tổng	5.721.783.837	5.460.090.397

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a. Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký kết các Hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt văn phòng và các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh, kho bãi với thời hạn thuê tối đa là 50 năm. Trong đó bao gồm:

- Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê: Để sử dụng làm trụ sở làm việc, nhà để xe với tổng diện tích là 867,7 m²;
- Thuê đất trả tiền hàng năm: Để sử dụng làm cơ sở chế biến lương thực xuất khẩu, chế biến cá cơm xuất khẩu, kinh doanh xăng dầu với tổng diện tích là 299.032,2 m².

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Theo giá trị nguyên tệ		
USD	899.714,61	221.251,88
EUR	44,18	98,91
Theo giá trị tương đương VND	23.540.183.059	5.797.118.289
USD	23.538.836.850	5.794.530.408
EUR	1.346.209	2.587.881

c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số nợ đã xóa		
	31/12/2025	01/01/2025	Thời điểm
	VND	VND	xóa nợ
Công ty Xuất nhập khẩu Phú Thọ	12.693.281	12.735.935	Năm 2016
Nguyễn Thị Tuyết - Tàu Tiên Phương	46.255.000	46.255.000	Năm 2016
Trần Thanh Đình - XN An Hòa	166.982.720	166.982.720	Năm 2019
DNTN Thành Phước	229.845.000	229.845.000	Năm 2019
Trần Quốc Đoàn	168.738.419	168.738.419	Năm 2019
Trung tâm tư vấn Dịch vụ Xây dựng huyện Kiên Lương	15.000.000	15.000.000	Năm 2019
KUO Corp - Xi măng (193.760,00 USD)	4.482.637.600	4.482.637.600	Năm 2019
KUO Corp - Phí tòa án Xi măng (12.339,98 USD)	285.485.437	285.485.437	Năm 2019
Chi nhánh DNTN Mỹ lệ	17.900.000	17.900.000	Năm 2019
Công ty TNHH Tâm Huy	602.770.000	602.770.000	Năm 2019
Tổng	6.028.307.457	6.028.350.111	

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản nợ phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 03 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng không còn tài sản để thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	5.229.826.279.699	7.399.896.019.198
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.765.488.763	1.191.818.316
Doanh thu khác	717.743.000	2.902.188.405
Tổng	5.232.309.511.462	7.403.990.025.919
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	787.335.746	1.009.800.000
Tổng	787.335.746	1.009.800.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	5.229.038.943.953	7.398.886.219.198
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.765.488.763	1.191.818.316
Doanh thu khác	717.743.000	2.902.188.405
Tổng	5.231.522.175.716	7.402.980.225.919
<i>Trong đó,</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>		
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>94.406.227.124</i>	<i>411.499.206.645</i>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	4.661.746.647.199	6.793.824.029.264
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt bảo quản	2.113.428.494	3.259.827.807
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	6.480.918.442	(23.223.576.700)
Tổng	4.670.340.994.135	6.773.860.280.371

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	116.237.595	149.161.036
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	35.581.927.812	50.973.801.760
Tổng	35.698.165.407	51.122.962.796

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	30.824.101.042	60.402.468.567
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.765.644.283	30.285.678.392
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	169.338.054	6.651.392.244
Tổng	56.759.083.379	97.339.539.203

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	1.568.086.527	1.600.025.507
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và bao bì	203.141.562.014	202.227.547.397
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.000.000	5.368.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.513.481	593.445.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.980.241.803	289.160.632.247
Chi phí bằng tiền khác	9.382.385.094	7.870.321.813
Tổng	445.493.788.919	501.457.340.414

Trong đó,

Chi phí bán hàng với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

129.401.660

1.611.009.595

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	37.283.926.006	26.155.987.167
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và dụng cụ quản lý	2.259.614.668	1.817.251.563
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.275.043.640	1.731.183.903
Thuế phí và lệ phí	82.800.977	95.331.389
Chi phí dự phòng	4.211.000.000	8.585.721.946
- Trích lập chi phí văn phòng sửa chữa định kỳ	3.230.000.000	2.870.000.000
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(17.604.000)
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng quỹ tiền lương	981.000.000	5.733.325.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.557.816.807	7.402.039.417
Chi phí bằng tiền khác	19.580.528.348	20.587.909.428
Tổng	72.250.730.446	66.375.424.813

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Các khoản phạt, bồi thường hợp đồng kinh tế nhận được	50.000.000	-
Các khoản khác	340.453.600	486.253.199
Tổng	390.453.600	486.253.199
Chi phí khác		
Chi phí bồi thường tổn thất của hợp đồng kinh tế	1.092.468.100	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	153.072.623	155.663.475
Phí lưu kho, lưu bãi, xử lý chứng từ	-	99.200.000
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	547.490.918	
Các khoản khác	87.619.635	43.924.221
Tổng	1.880.651.276	298.787.696
Lợi nhuận khác	(1.490.197.676)	187.465.503

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, trong đó:	20.885.546.568	15.258.069.417
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>11.137.930.642</i>	<i>34.353.927.949</i>
<i>Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền nộp chậm</i>	<i>700.563.541</i>	<i>117.494.883</i>
<i>Tiền thù lao HĐQT không chuyên trách</i>	<i>264.000.000</i>	<i>247.500.000</i>
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi đối với phần vượt trên 1,6 tỷ VND</i>	<i>79.106.868</i>	<i>79.106.868</i>
<i>Chi phí lãi vay thuần không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025</i>	<i>9.845.652.792</i>	<i>32.732.665.196</i>
<i>Lỗi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	<i>169.373.330</i>	<i>29.638.983</i>
<i>Chi phí không được trừ khác</i>	<i>79.234.111</i>	<i>1.147.522.019</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	(35.276)	(524.778.739)
<i>Lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm</i>	<i>(35.276)</i>	<i>(359.778.739)</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm khác</i>	<i>-</i>	<i>(165.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	32.023.441.934	49.087.218.627
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	32.023.441.934	49.087.218.627
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm	6.404.688.387	9.817.443.725
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	206.756.890
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu theo Quyết định số 353/QĐ-VPHC ngày 16/12/2024</i>	<i>-</i>	<i>206.756.890</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.404.688.387	10.024.200.615

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại) (ii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	14.480.858.181	5.233.868.802
Các khoản điều chỉnh	-	(629.609.652)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	-	(601.894.912)
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(27.714.740)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	14.480.858.181	4.604.259.150
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	569	181

- (i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.
- (ii) Công ty xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do số trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội thay đổi theo kết quả phân chia lợi nhuận năm 2024, được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 60/NQ-XNK-ĐHĐCD ngày 15/5/2025. Số liệu cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.233.868.802	5.233.868.802	-
Các khoản điều chỉnh	-	(629.609.652)	(629.609.652)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	-	(601.894.912)	(601.894.912)
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(27.714.740)	(27.714.740)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	5.233.868.802	4.604.259.150	(629.609.652)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	206	181	(25)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.379.049.845.088	2.851.623.972.358
Chi phí kinh doanh hàng hóa thương mại	2.371.192.067.827	4.167.112.758.221
Chi phí nhân công	61.571.918.979	45.761.295.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.457.094.493	16.411.563.005
Trích lập/(Hoàn nhập) các khoản dự phòng	981.000.000	5.715.721.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	259.439.523.843	315.031.848.619
Chi phí khác bằng tiền	29.862.968.932	29.473.041.640
Tổng	5.118.554.419.162	7.431.130.201.286

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
3	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ
4	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ
5	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Các khoản thù lao, lương, thưởng, và thu nhập khác	3.529.554.700	2.942.229.200

*Chi tiết như sau:**Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị và người quản lý khác*

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	144.000.000	120.000.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	120.000.000	108.000.000
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	96.000.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT	120.000.000	84.000.000
Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT (Đến ngày 15/4/2024)		24.500.000
Bà Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT (Từ ngày 15/4/2024)	120.000.000	59.500.000
Ông Trần Công Lý	Thư ký Công ty (Đến ngày 06/5/2024)		16.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tiến	Thư ký Công ty (Từ ngày 06/5/2024)	60.000.000	32.000.000
Tổng		684.000.000	540.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)*Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát*

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban Kiểm soát (Đến ngày 15/4/2024)		14.000.000
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	113.154.400	48.000.000
Ông Trần Công Lý	Thành viên Ban Kiểm soát (Từ ngày 15/4/2024)	90.000.000	34.000.000
Tổng		203.154.400	96.000.000

Tiền lương của từng Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	174.672.800	234.788.000
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT		54.340.000
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	118.282.700	130.603.200
Ông Đặng Quốc Việt	Nguyên Thành viên HĐQT		
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	528.889.100	501.814.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm Tổng Giám đốc	815.241.000	688.176.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	534.677.700	501.814.000
Ông Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	470.637.000	194.694.000
Tổng		2.642.400.300	2.306.229.200

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<u>Bán hàng</u>			94.406.227.124	411.499.206.645
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Bán hàng ủy thác	10.141.266.860	276.827.966.100
		Bán hàng hóa	84.264.960.264	134.670.786.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	454.545
<u>Mua hàng</u>			208.383.093.945	63.092.023.875
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Mua hàng hóa, dịch vụ	197.043.343.945	50.039.094.875
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Mua tài sản cố định	8.134.830.000	1.578.310.000
		Mua công cụ dụng cụ	215.750.000	3.163.415.000
		Chi phí sửa chữa tài sản	2.989.170.000	4.935.664.000
Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	405.540.000
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	2.970.000.000
<u>Mua dịch vụ</u>			129.401.660	1.611.009.595
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	87.734.996	1.569.342.931
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Dịch vụ khác	41.666.664	41.666.664

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<u>Người mua trả tiền ngắn hạn</u>		2.219.417.099	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	2.219.417.099	-
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		6.128.037.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	1.424.037.000	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	4.704.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Báo cáo bộ phận**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	4.871.278.433.548	336.898.251.570	23.345.490.598	5.231.522.175.716
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(4.323.029.767.504)	(326.027.485.936)	(21.283.740.695)	(4.670.340.994.135)
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	548.248.666.044	10.870.765.634	2.061.749.903	561.181.181.581
Doanh thu hoạt động tài chính	35.689.653.737	1.035.110	7.476.560	35.698.165.407
Chi phí tài chính	(55.756.090.024)	(529.344.749)	(473.648.606)	(56.759.083.379)
Chi phí bán hàng	(440.403.658.252)	(4.123.938.901)	(966.191.766)	(445.493.788.919)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(65.983.483.973)	(4.967.902.934)	(1.299.343.539)	(72.250.730.446)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	21.795.087.532	1.250.614.160	(669.957.448)	22.375.744.244

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định	12.061.283.242	-	4.064.393.328	16.125.676.570
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.575.470.698	730.941.025	899.187.674	15.205.599.397
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.549.601.360	476.649.064	1.684.665.412	15.710.915.836

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)***Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2025*

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
<i>Tài sản bộ phận</i>				
Tài sản cố định	106.322.637.529	4.017.109.240	12.844.335.506	123.184.082.275
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307	1.356.388.307
Các khoản phải thu	75.496.581.595	5.205.013.736	50.000.000	80.751.595.331
Hàng tồn kho	223.295.366.115	5.284.843.992	4.590.628.845	233.170.838.952
Tài sản không thể phân bổ				219.177.251.798
Tổng				657.640.156.663
<i>Nợ bộ phận</i>				
Các khoản phải trả	158.758.474.011	292.550.000	34.021.751	159.085.045.762
Phải trả tiền vay (không phân bổ)				183.829.128.658
Nợ phải trả không phân bổ				40.223.340.225
Tổng				383.137.514.645

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá

tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)***Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024*

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	7.037.166.782.681	341.765.403.856	24.048.039.382	7.402.980.225.919
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(6.423.297.378.692)	(329.579.714.235)	(20.983.187.444)	(6.773.860.280.371)
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	613.869.403.989	12.185.689.621	3.064.851.938	629.119.945.548
Doanh thu hoạt động tài chính	51.115.373.143	1.136.845	6.452.808	51.122.962.796
Chi phí tài chính	(96.320.557.634)	(593.823.476)	(425.158.093)	(97.339.539.203)
Chi phí bán hàng	(495.427.490.449)	(4.888.490.090)	(1.141.359.875)	(501.457.340.414)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(59.841.790.750)	(5.093.129.000)	(1.440.505.063)	(66.375.424.813)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	13.394.938.299	1.611.383.900	64.281.715	15.070.603.914

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định	3.517.777.940	188.000.000	-	3.705.777.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.456.051.080	943.268.081	760.748.748	15.160.067.909
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.023.734.898	360.368.392	815.250.917	8.199.354.207

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)***Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2024*

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
<i>Tài sản bộ phận</i>				
Tài sản cố định	107.890.770.782	4.748.050.265	9.625.184.055	122.264.005.102
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	2.153.188.307	2.153.188.307
Các khoản phải thu	247.091.218.593	10.735.891.292	960.010.150	258.787.120.035
Hàng tồn kho	508.760.235.199	6.302.068.394	10.043.866.601	525.106.170.194
Tài sản không thể phân bổ				128.020.676.990
Tổng				1.036.331.160.628
<i>Nợ bộ phận</i>				
Các khoản phải trả	45.726.737.742	369.010.000	24.403.980	46.120.151.722
Phải trả tiền vay (không phân bổ)				692.072.139.497
Nợ phải trả không phân bổ				33.037.225.920
Tổng				771.229.517.139

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)***Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025*

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	4.113.141.995.812	1.118.380.179.904	5.231.522.175.716

Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	5.640.104.850.609	1.762.875.375.310	7.402.980.225.919

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu và các Thuyết minh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

An Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Chúc Hà

Trần Thị Diệp

Đương Thị Thanh Nguyệt



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 48/TTr-XNK-HĐQT

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty; căn cứ các văn bản chỉ đạo của Tổng Công ty về việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư năm 2026, như sau:

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Mua vào
 - a) Lương thực (quy gạo) : 285.000 tấn
 - b) Cá cơm (quy tươi) : 900 tấn
 - c) Xăng dầu : 18 triệu lít
2. Bán ra
 - a) Lương thực (quy gạo) : 285.000 tấn
 - b) Cá cơm (thành, phụ phẩm) : 225 tấn
 - c) Xăng dầu : 18 triệu lít
3. Doanh thu : 3.680 tỷ đồng
4. Lợi nhuận trước thuế : 17 tỷ đồng
5. Nộp ngân sách : Theo quy định

II. Kế hoạch đầu tư

- Kế hoạch đầu tư năm 2026 là 15.636 triệu đồng (Đính kèm phụ lục danh mục các hạng mục đầu tư).

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn Công ty và vốn vay.

(Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư nêu trên chưa bao gồm các yếu tố khách quan, bất khả kháng có thể phát sinh trong năm tài chính 2026).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bạch Ngọc Văn



Phụ lục: Danh mục các hạng mục đầu tư năm 2026

(Đính kèm Tờ trình số: 48/TTr-XNK-HĐQT, ngày 24 tháng 4 năm 2026)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị/Hạng mục đầu tư	Kế hoạch năm 2026			Ghi chú
		Tổng cộng	Vốn vay	Vốn Công ty	
1.	Xí nghiệp Thạnh Hưng	2.970	1.904	1.066	
1.1	Đầu tư mới máy Sortex, CS 16 - 22 tấn/giờ (<i>Xuất xứ Trung Quốc</i>)	1.570	1.099	471	
1.2	Thiết bị phụ trợ: thiết bị phụ trợ tách màu, dây điện nguồn và nền móng máy nén khí 2 m x 6 m	250		250	
1.3	Hệ thống nén khí cho máy tách màu	650	455	195	
1.4	Cân đóng gói 0,8 kg – 10 kg (<i>03 bộ</i>) và thiết bị phụ trợ	500	350	150	
2.	Xí nghiệp Sơn Thuận	5.760	3.836	1.924	
2.1	Đầu tư mới máy Sortex, CS 16 - 22 tấn/giờ (<i>Xuất xứ Trung Quốc</i>)	1.570	1.099	471	
2.2	Thiết bị phụ trợ máy tách màu (<i>Bù dài, hệ thống điện, hệ thống hút bụi</i>)	900	630	270	
2.3	Hệ thống máy nén khí cho máy tách màu (<i>đầu tư mới</i>)	650	455	195	
2.4	Băng tải chuyển gạo từ các hệ thống tách màu vào thùng chứa gạo thành phẩm (<i>01 Băng tải hạt B600, dài 25 m; 01 băng tải hạt B600, dài 15,5 m; 01 Băng tải hạt có xe rửa B600, dài 34 m</i>)	500	350	150	
2.5	Băng tải di động 07 bộ, dài 6 m	529	370	159	
2.6	Thùng chứa cám ướt, cám khô, sức chứa 20 tấn/thùng và thiết bị phụ trợ vít tải, bù dài (<i>02 thùng</i>)	650	455	195	
2.7	Hệ thống hút cám 02 máy lau bóng Sinco	350	245	105	
2.8	Hệ thống hút bụi kho lúa (<i>2 bộ</i>)	332	232	100	
2.9	Bù dài xuống mễ lúa khô, công suất 50 tấn/giờ, cao 11 m	145		145	
2.10	Bù dài cấp liệu hệ thống Sortex AncoViet, gàu 300 mm, cao 11 m	135		135	
3.	Xí nghiệp An Hòa	880	560	320	
3.1	Cân đóng gói 0,8 kg – 10 kg và thiết bị phụ trợ (<i>4 bộ</i>)	800	560	240	
3.2	Cân băng tải công suất 35 - 40 tấn/giờ (<i>Có in mã cân và thiết bị chuyển dữ liệu về máy tính</i>)	80		80	
4.	Xí nghiệp Vĩnh Thắng	500	350	150	

4.1	Hệ thống hút bụi dây chuyền xay xát túi khí nén (12 điểm)	500	350	150	
5.	Xí nghiệp Tân Phú	1.026	718	308	
5.1	Máy lau bóng sau Sortex và thiết bị phụ trợ (Bù dài, thùng chứa trung gian, dây điện nguồn, cân định lượng truyền dữ liệu)	770	539	231	
5.2	Băng tải di động B500: 03 cây 10 m và 03 cây 7 m	255	179	77	
6.	Xí nghiệp Hòn Chông	3.885	1.981	1.904	
6.1	Bơm Foam tăng cường cho hầm lạnh tàu KG - 94312 TS (để duy trì thời gian giữ nhiệt lạnh được lâu hơn)	150		150	
6.2	Đầu tư mới 02 cái Dinamo 100 kVA (dự phòng cho 2 tàu thu mua KG - 93809 TS và KG - 94312 TS)	160		160	
6.3	Đầu tư 02 container lạnh chứa Cá cơm	330	231	99	
6.4	Nền bê tông, nhà bao che 2 container lạnh 7m x 20m và hệ thống điện	215		215	
6.5	Sàng phân loại Cá cơm	220		220	
6.6	Xe kéo cá 20 xe, KT: 65 cm x 90 cm (Vật liệu Inox 304)	100		100	
6.7	Hệ thống cầu tàu và nâng hạ xe kéo cá	100		100	
6.8	Máy trộn tấm gia vị 300 kg/mẻ	110		110	
6.9	Đầu tư, nâng cấp thiết bị để đăng ký mã Code xuất khẩu Cá cơm sang thị trường Hàn Quốc	2.500	1.750	750	
7.	Xí nghiệp An Bình	65		65	
7.1	Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động có thiết bị truyền tin báo về Cơ quan PCCC (theo quy định về PCCC)	65		65	
8.	Văn phòng công ty	550		550	
8.1	Đầu tư công nghệ chuyển đổi số	300		300	
8.2	Cửa hàng trưng bày Gạo ngon cao cấp	250		250	
	Tổng cộng	15.636	9.349	6.287	

(Giá trị đầu tư trên chưa bao gồm thuế, phí theo quy định)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 49/TTr-XNK-HĐQT

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH**Về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;**Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;**Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.*

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026, như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, như sau:

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		20.885.546.568
2.	Thuế Thu nhập doanh nghiệp		6.404.688.387
3.	Lợi nhuận kế toán sau thuế phân phối	100%	14.480.858.181
3.1	- Quỹ đầu tư phát triển	10,0%	1.448.085.818
3.2	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,0%	2.172.128.727
+ Quỹ thưởng Người quản lý			434.425.745
+ Quỹ khen thưởng			724.042.909
+ Quỹ phúc lợi			1.013.660.073
3.3	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	0,69%	100.000.000
3.4	- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 còn lại	74,3%	10.760.643.636
4	Lợi nhuận sau thuế dùng để trả cổ tức		10.760.643.636
4.1	- Cổ tức chi bằng tiền mặt: 4,20%/Vốn điều lệ công ty tương ứng 420 đồng/cổ phần		10.680.600.000
4.2	- LNST còn lại chuyển sang năm 2026		80.043.636

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

STT	Chỉ tiêu	Phân phối	
		Tỷ lệ (%)	Số tiền (đồng)
1.	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		17.000.000.000
2.	Thuế TNDN (20% Thu nhập chịu thuế)		3.400.000.000
3.	Lợi nhuận sau thuế TNDN phân phối ¹	100%	13.600.000.000
3.1	- Quỹ đầu tư phát triển	10%	1.360.000.000
3.2	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	2.040.000.000
	+ Quỹ thưởng Người quản lý		594.828.000
	+ Quỹ khen thưởng		722.586.000
	+ Quỹ phúc lợi		722.586.000
3.3	- Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội	1,47%	200.000.000
3.4	- Lợi nhuận sau thuế còn lại để chia cổ tức	74,53%	10.000.000.000
4.	Lợi nhuận sau thuế năm 2025 chuyển sang		80.043.636
5.	Lợi nhuận sau thuế dùng để trả cổ tức (3.4+4)		10.080.043.636
5.1	- Cổ tức chi bằng tiền mặt: 3,95%/Vốn điều lệ Công ty tương ứng 395 đồng/cổ phần		10.044.850.000
5.2	- LNST còn lại chuyển sang năm 2027		35.193.636

Trình Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn thời gian chi trả cổ tức năm 2025 và tạm ứng cổ tức năm 2026 (nếu thấy cần thiết), thực hiện các thủ tục để chốt danh sách cổ đông với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Bạch Ngọc Văn

¹ Công ty chưa tính loại trừ phần thuế TNDN theo Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 20/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (0297) 3863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 50/TTr-XNK-HĐQT

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2026 như sau:

1. Quỹ tiền lương thực hiện của Người lao động và Ban điều hành; quỹ lương HĐQT, BKS chuyên trách và thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2025

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện của Người lao động và Ban điều hành: 47.660 triệu đồng.

1.2. Quỹ tiền lương thực hiện của thành viên HĐQT, BKS chuyên trách (*Trưởng Ban kiểm soát*): 604,8 triệu đồng.

1.3. Thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách và thư ký là 864 triệu đồng, cụ thể:

2. Kế hoạch quỹ tiền lương Người lao động và Ban điều hành; quỹ lương HĐQT, BKS chuyên trách và thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2026

2.1. Quỹ tiền lương của Người lao động và Ban điều hành: 42.052 triệu đồng.

2.2. Quỹ tiền lương của thành viên HĐQT, BKS chuyên trách (*Trưởng Ban kiểm soát*): 484,44 triệu đồng.

2.3. Tổng số tiền thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách và thư ký là 1.017,6 triệu đồng, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT	: 14,8 triệu đồng/người/tháng
- Phó Chủ tịch thường trực HĐQT	: 12 triệu đồng/người/tháng
- Phó Chủ tịch HĐQT	: 12 triệu đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT (02 người)	: 12 triệu đồng/người/tháng
- Thành viên BKS (02 người)	: 8 triệu đồng/người/tháng
- Thư ký	: 6 triệu đồng/người/tháng

Căn cứ vào tổng quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch, Công ty xác định mức lương phù hợp, tạm ứng tiền lương và thù lao hàng tháng cho thành viên HĐQT, BKS, người lao động và ban điều hành không vượt mức kế hoạch nêu trên.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm và các quy định có liên quan, Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông tổng tiền lương và thù lao thực hiện để quyết toán và chi trả cho các chức danh theo đúng quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bạch Ngọc Văn



Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rach Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 04/TT-XNK-BKS

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập
và lựa chọn Công ty kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020:

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang:

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Ban kiểm soát kinh trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập và lựa chọn Công ty kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

- ### 1. Về các tiêu chí, hình thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Chọn đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các Công ty đại chúng.

- Không xung đột quyền lợi khi kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang (việc kiểm toán BCTC phải độc lập với việc tư vấn lập BCTC).

- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các Công ty đại chúng tại Việt Nam.
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán và phạm vi kiểm toán do Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang yêu cầu.

Với các tiêu chí trên Ban kiểm soát đề xuất 04 Công ty kiểm toán để đưa vào danh sách lựa chọn kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 cho Công ty như sau:

- (1) Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;
- (2) Công ty TNHH hăng Kiểm toán AASC;
- (3) Công ty TNHH kiểm toán KPMG Việt Nam;
- (4) Công ty TNHH Ernst and Young Việt Nam.

- ## 2. Đề xuất của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua, việc chấp thuận cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn 01 trong 04 Công ty kiểm toán trên, thực hiện việc kiểm toán và soát xét BCTC trong năm

2026 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, đồng thời Hội đồng quản trị được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được chọn theo đúng quy định của Pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý Cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Trần Thị Mai Trinh



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 51/TTr-XNK-HĐQT

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v thực hiện các hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang;

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và điểm a khoản 6 điều 43 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, cụ thể như sau:

Chấp thuận cho HĐQT được phép ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và được ký giữa Công ty với các đối tượng sau đây:

- Các đối tượng là tổ chức có liên quan đến Cổ đông lớn sở hữu 83,31% vốn điều lệ Công ty (*Tổng công ty Lương thực miền Nam*):

+ Tổng công ty Lương thực miền Nam.

+ Các Công ty thành viên, Chi nhánh của Tổng công ty Lương thực miền Nam.

+ Các Công ty con của Tổng công ty Lương thực miền Nam.

- Các đối tượng là thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ; hoặc các tổ chức mà thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty có liên quan.

- Hội đồng quản trị chấp thuận ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng trên trong năm 2026 (*từ 01/01/2026 đến ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027*). Tổng giám đốc báo cáo bằng văn bản gửi HĐQT chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày Công ty ký hợp đồng hoặc giao dịch với các đối tượng có liên quan nêu trên, trong đó nêu rõ một số nội dung chính của hợp đồng (*Đối tượng, tên hàng hóa, số lượng, giá trị hợp đồng, hình thức thanh toán, thời gian giao hàng và đính kèm hợp đồng đã ký*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu VT. P.TCHC



Bạch Ngọc Văn



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 52/TTr-XNK-HĐQT

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Trên cơ sở rà soát, cập nhật các quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch và phù hợp với mô hình tổ chức, hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, nhằm bảo đảm tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật hiện hành, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị và điều hành của Công ty (Đính kèm các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty).

2. Giao Người đại diện theo pháp luật của Công ty tổ chức triển khai thực hiện, hoàn tất việc ban hành Điều lệ sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các thủ tục có liên quan theo đúng quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Bạch Ngọc Văn



PHỤ LỤC (Đính kèm Tờ trình số 52/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026)
NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Lưu ý:

- Các điều không nêu tại bảng tổng hợp này là không thay đổi.
- Các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung so với Điều lệ hiện hành là các dòng chữ thể hiện dưới dạng in nghiêng, bôi đậm, gạch chân.
- Ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên, Công ty thực hiện điều chỉnh một số lỗi chính tả, trình bày, kỹ thuật văn bản (nếu có) nhưng không làm thay đổi nội dung Điều lệ.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
1	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: c) <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 <u>và các văn bản sửa đổi bổ sung</u> ;	Bổ sung để cập nhật cách dẫn chiếu văn bản pháp luật, bao quát cả các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.
2	d) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	d) <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 <u>và các văn bản sửa đổi bổ sung</u> ;	Bổ sung để cập nhật cách dẫn chiếu văn bản pháp luật, bao quát cả các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.
3	g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> <u>là Ban điều hành công ty</u> , bao gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;	Bỏ “và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm”
4	h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý	h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, <u>Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> , thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, <u>Phó</u>	Bỏ “cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm”

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	<u>Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty và các chức danh khác do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm;</u>	
5	Chưa quy định	<u>m) Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên;</u>	Thống nhất khái niệm giữa Điều lệ và Quy chế mẫu
6	Chưa quy định	<u>p) VSDC là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;</u>	Thay đổi theo thực tế tên Cơ quan ban ngành
7	Chưa quy định	<u>q) Địa chỉ liên lạc là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc;</u>	Bổ sung khái niệm ‘địa chỉ liên lạc’ để thống nhất cách hiểu và áp dụng trong việc xác định thông tin liên hệ của cổ đông, tổ chức, cá nhân có liên quan.
8	Chưa quy định	<u>r) Bí mật thương mại là các thông tin về lượng hàng hoá dự trữ, về giá thành và lợi nhuận, về tài chính, về giải pháp công nghệ và kỹ thuật kinh doanh như quy trình, kỹ thuật và bí quyết kỹ thuật trong sản xuất; Thông tin khách hàng; Các thuật toán, quy trình được thực hiện trong Công ty; Công thức để sản xuất sản phẩm; Chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch xuất khẩu, kế hoạch tiếp thị; Thông tin về các hoạt động nghiên cứu phát triển; v.v...</u>	Quy định rõ thêm khái niệm “bí mật thương mại” tại Điều lệ Công ty và các Quy chế để đảm bảo bảo mật thông tin theo cam kết với các đối tác và hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty
9	Chưa quy định	<u>s) Bí mật kinh doanh là các thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh như quy trình công thức,</u>	Quy định rõ thêm khái niệm “bí mật kinh doanh” tại Điều lệ Công ty và các

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ								
		<u>mẫu hàng, thiết bị hoặc tập hợp các loại thông tin khác mà được sử dụng trong một thời gian nhất định trong Công ty; thông tin kỹ thuật dùng trong quá trình sản xuất hàng hoá; chiến lược tiếp thị, xuất khẩu hoặc bán hàng, hay phương pháp lưu trữ tài liệu hoặc các quy trình và thủ tục quản lý kinh doanh, kể cả phần mềm dùng cho các hoạt động kinh doanh, v.v...</u>	Quy chế để đảm bảo bảo mật thông tin theo cam kết với các đối tác và hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty								
	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty									
10	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 85-87 đường Lạc Hồng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 85-87 đường Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang	Điều chỉnh lại cho phù hợp với thay đổi đơn vị hành chính mới sau khi sáp nhập tỉnh.								
	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty									
11	1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là: <table><tr><td>Mã ngành, nghề kinh doanh</td><td>Tên ngành, nghề kinh doanh</td></tr><tr><td></td><td>(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và đúng quy hoạch).</td></tr><tr><td>5012</td><td>Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương</td></tr><tr><td>4631 (Chính)</td><td>Bán buôn gạo</td></tr></table>	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh		(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và đúng quy hoạch).	5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	4631 (Chính)	Bán buôn gạo	1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là: <u>• Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương</u> <u>• Bán buôn gạo, lúa mì, sản phẩm từ ngũ cốc khác, bột mì</u> <u>• Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp)</u> <u>• Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty); Kinh doanh củi trấu)</u> <u>• Bán lẻ đồ uống</u>	Thay đổi cho phù hợp mã ngành kinh tế cấp 4 theo quyết định 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018.
Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành, nghề kinh doanh										
	(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và đúng quy hoạch).										
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương										
4631 (Chính)	Bán buôn gạo										

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH		ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	<u>• Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa</u> <u>• Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn nông sản)</u> <u>• Bán buôn thực phẩm (Chi tiết: Bán buôn thủy sản)</u> <u>• Xay xát và sản xuất bột thô (Chi tiết: Xay xát)</u>	
	4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty) - Kinh doanh cùi trấu	<u>• Bán lẻ thực phẩm</u> <u>• Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh</u> <u>• Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</u> <u>• Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy</u> <u>• Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</u>	
	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ bia, nước ngọt, trà xanh các loại, nước yến, nước tinh khiết đóng chai, sừng sâm, trái vải,...	<u>• Trồng lúa</u> <u>• Trồng cây lâu năm khác (Chi tiết: Trồng cây lâu năm)</u> <u>• Bán lẻ lương thực</u> <u>• Bán lẻ nhiên liệu động cơ</u> <u>• Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng)</u>	
	5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa		
	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn nông sản	<u>• Lĩnh vực kinh doanh của Công ty có thể mở rộng thêm do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong khuôn khổ và ngành nghề mà pháp luật không cấm.</u>	
	4632	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thủy sản		
	1061	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát		

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	4722 Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (mì, miến, đóng gói,...); thực phẩm khác (cá đóng hộp, cà phê đóng gói, cà phê sữa, sữa Milo, dầu ăn, nước mắm, nước tương, tương ớt, hạt nêm, trà,...); thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh		
	4772 Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (bông giấy vệ sinh, tã, nước tẩy, xà bông bột, nước xả, nhang muỗi,...)		
	5210 Kho bãi và lưu giữ hàng hóa		
	5222 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy		
	4933 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ		
	0111 Trồng lúa		
	0129 Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây lâu năm		

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH		ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh		
	4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty)		
	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng		
	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập		Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
12	6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác		<u>6. Chào bán cổ phần</u> <u>Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.</u> <u>Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:</u> <u>a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu.</u> <u>b) Chào bán ra công chúng.</u> <u>c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.</u> <u>d) Hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u> Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng	Bổ sung hình thức Chào bán theo Luật doanh nghiệp.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.	
	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	
13	2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	2. <u>Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành.</u> Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	Thay đổi phù hợp Luật Chứng khoán
14	3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	3. <u>Người sở hữu cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày VSDC thông báo đã nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của pháp luật hoặc trong thời hạn hai (02) tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo Điều khoản phát hành quy định).</u> Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	Điều chỉnh phù hợp theo quy định tại Quy chế của VSDC.
15	Chưa quy định.	5. <u>Trường hợp Công ty hủy đăng ký chứng khoán tại VSDC, Công ty cấp lại chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày hiệu lực hủy đăng ký chứng khoán theo thông báo của VSDC.</u>	Bổ sung để đảm bảo đủ thời gian và pháp lý để thực hiện khi xảy ra trường hợp Hủy ĐKCK.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Điều 12. Quyền của cổ đông	Điều 12. Quyền của cổ đông	
16	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền <u>hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định</u> . Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	Điều chỉnh để mở rộng và ghi nhận đầy đủ các hình thức thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông theo Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.
17	e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.	e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình. <u>Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</u>	Bổ sung quy trình để đảm bảo quyền lợi cổ đông và đảm bảo thời gian để Công ty tập hợp và cung cấp tài liệu theo yêu cầu.
18	f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.	f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. <u>Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</u>	Bổ sung quy trình để đảm bảo quyền lợi cổ đông và đảm bảo thời gian để Công ty tập hợp và cung cấp tài liệu theo yêu cầu.
19	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. <u>Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</u>	Bổ sung quy trình để đảm bảo quyền lợi cổ đông và đảm bảo thời gian để Công ty tập hợp và cung cấp tài liệu theo yêu cầu.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
20	d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;	d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là <u>07 ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;	Điều chỉnh thời gian nhận kiến nghị của cổ đông phù hợp với quy trình tổ chức cuộc họp HĐQT và đủ thời gian để HĐQT xem xét "Khoản 6 Điều 30 Điều lệ: Cuộc họp của HĐQT 6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, hình thức họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên."
21	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng	Dẫn chiếu quy định để thực hiện

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát <u>theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này</u>. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử <u>theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này</u>.	
	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	
22	6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau: e) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.	Bỏ điểm e.	Điều lệ Công ty không có quy định về phương tiện khác.
	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	
23	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>sáu mươi (60) ngày</u> kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.	Thay đổi thời gian thuận tiện thực hiện nhưng vẫn đảm bảo đúng quy định
	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
24	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:	Đề xuất bỏ điểm i khoản 1 điều 15 cho phù hợp với khoản 2 điều 208 Luật doanh nghiệp.
25	k) Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	k) Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh <u>Quy chế nội bộ về quản trị Công ty</u> ; Quy chế hoạt động <u>của</u> Hội đồng quản trị, <u>Quy chế hoạt động của</u> Ban kiểm soát;	Điều chỉnh tên Quy chế hiện hành theo đúng thực tế.
26	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	<u>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</u> <u>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</u> <u>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</u> <u>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</u> <u>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc;</u> <u>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</u> <u>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</u> <u>g) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</u> <u>h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;</u> <u>i) Vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</u>	Điều chỉnh ngắn gọn hơn và phù hợp Luật Doanh nghiệp.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết; k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty; l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập; m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;		

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	s) Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.		
	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	
27	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, <u>theo quy định cụ thể sau:</u> <u>a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho tối đa một (01) người đại diện theo ủy quyền tham dự họp. Cổ đông đã ủy quyền này sẽ không được tham dự đại hội ngay cả trong trường hợp ủy quyền một phần cho người đại diện theo ủy quyền.</u> <u>b) Đối với cổ đông là tổ chức sẽ thực hiện ủy quyền như sau:</u> <u>• Cổ đông nắm giữ dưới 1% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa một (01) người dự họp Đại hội đồng cổ đông;</u> <u>• Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa hai (02) người dự họp;</u> <u>Cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa tám (08) người dự họp.</u>	Bổ sung chi tiết các mốc ủy quyền

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp không xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần và số phiếu sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền, phần lẻ cổ phần (nếu có) sẽ được ưu tiên theo thứ tự ABC cho tên người đại diện theo ủy quyền.</u>	
28	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, <u>chữ ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.</u> <u>Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người khác.</u>	Bổ sung chứng từ cần thiết để đảm bảo công tác lưu hồ sơ được đầy đủ. Chi tiết hơn về việc chỉ được ủy quyền 1 lần.
	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	
29	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào	Điều chỉnh thời gian nhận kiến nghị của cổ đông

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất <u>bảy (07) ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	phù hợp với quy trình tổ chức cuộc họp HĐQT và đủ thời gian để HĐQT xem xét <i>"Khoản 6 Điều 30 Điều lệ: Cuộc họp của HĐQT</i> <i>6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, hình thức họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên."</i>
	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
30	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Bổ sung thêm thời gian để công ty có thể chuẩn bị tài liệu, gửi thư mời ĐH
	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	
31	Chưa quy định	<u>5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u> <u>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</u>	Bổ sung theo thực tế của Công ty
32	4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây: [...].	4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo <u>thông tin đã đăng ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam</u> được quy định sau đây: [...].	Để đảm bảo thông tin nhận là có cơ sở và chính xác.
	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
33	2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.	2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. <u>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</u>	Căn cứ theo Điều 151 của Luật Doanh nghiệp.
	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	
34	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên. <u>Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.</u>	Quy định thêm về dẫn chiếu việc đề cử ứng cử TVHĐQT
35	Chưa quy định.	<u>4. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn</u>	Bổ sung quy trình đề cử, ứng cử cho cổ đông, tổ

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác để cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các đông khác để cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u>	chức khác trong trường hợp không đủ ứng viên.
	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	
36	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành tối thiểu là 01 thành viên.</u>	Cập nhật theo hướng dẫn tại Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và mô hình quản trị hiện tại của Công ty.
37	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung quy định và trách nhiệm của TV HĐQT sau khi gửi đơn từ nhiệm.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:</u> <u>- Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.</u> <u>- Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</u> <u>- Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 8 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</u>	
38	Chưa quy định	<u>7. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</u> <u>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp và phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 155 Luật doanh nghiệp;</u>	Bổ sung theo hướng dẫn tại Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<i><u>b) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.</u></i>	
	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
39	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; h) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: f) Quyết định phương án đầu tư và <u>dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty</u> và giới hạn theo quy định của pháp luật; g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và các Phó Chủ tịch (nếu có)</u>; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với <u>Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</u>; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó <u>theo đề nghị của Tổng giám đốc</u>; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; h) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại <u>Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty</u>.	Điều chỉnh cụ thể thẩm quyền HĐQT Điều chỉnh Quy chế quy định về cung cấp thông tin cho phù hợp.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
40	1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	1. Công ty có quyền trả thù lao, <u>lương</u> , thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	Điều chỉnh phù hợp thực tế
41	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc, <u>lương và thưởng. Tổng mức thù lao, lương và thưởng</u> của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	Điều chỉnh phù hợp thực tế
42	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	3. Thù lao, <u>tiền lương</u> của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Điều chỉnh phù hợp thực tế
	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
43	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	1. Chủ tịch <u>và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có)</u> do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh phù hợp thực tế
	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	
44	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận	5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải <u>gửi thông báo mời họp</u> đến các thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 (bảy)	Quy định cụ thể thêm về thời gian để triệu tập họp

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này và <u>chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.</u> Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. <u>quy trình triệu tập tương tự như Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị.</u>	HDQT, để các quyết định của HDQT được kịp thời phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
45	8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp lần 2 đến thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp.</u> <u>Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 10 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.</u> Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Bổ sung, làm rõ thời hạn gửi thông báo mời họp lần hai và thời điểm tổ chức họp để bảo đảm trình tự triệu tập họp Hội đồng quản trị được thực hiện rõ ràng, thống nhất.
46	13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho <u>thành viên Hội đồng quản trị khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u>	Quy định cụ thể hơn về việc ủy quyền cho TVHDQT khác
47	14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành;	14. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (<u>quá ½</u>) thành viên dự họp tán thành;	Bổ sung quy định về loại phiếu biểu quyết khi thông qua giao dịch với

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. <u>Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.</u>	bên liên quan.
	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	
48	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương, thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	1. <u>Khi xét thấy cần thiết</u> , Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương, thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	Phù hợp thực tế
	Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp	Điều 34. Người điều hành Doanh nghiệp	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
49	Chưa quy định.	<u>I. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</u>	Bổ sung quy định về người điều hành Công ty để làm rõ phạm vi các chức danh điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và thống nhất với các điều khoản liên quan trong Điều lệ.
	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
50	4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; g) Tuyển dụng lao động; h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; <u>e) Tuyển dụng, điều động, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật người lao động trừ người quản lý công ty;</u> f) Quyết định tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty <u>trừ người quản lý công ty;</u> g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; <u>h) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</u> i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, <u>Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hợp đồng lao động ký với Công ty (trường hợp thuê người khác làm Tổng Giám đốc).</u>	Điều chỉnh, bổ sung để làm rõ thẩm quyền của Tổng Giám đốc trong mối quan hệ với Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT; phân định quản lý người lao động và người quản lý; đồng thời bổ sung trách nhiệm báo cáo, phù hợp quy định pháp luật và thực tiễn quản trị.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)	Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)	
51	1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các Kiểm soát viên. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên; từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.	1. Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, Điều 25 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên; từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên. <u>Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 76 Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.</u>	Quy định thêm về dẫn chiếu việc đề cử ứng cử TVBKS
52	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử <u>theo khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</u> không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm <u>đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu Thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u>	Chi tiết quy trình đề cử, ứng cử trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hoặc Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị để rõ ràng việc xác định được ứng cử viên Theo quy định tại điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.
53	Chưa quy định.	<u>3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số</u>	Bổ sung quy định về xử lý trường hợp số lượng

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>lượng cần thiết, Ban kiểm soát công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u>	ứng viên Ban kiểm soát không đủ nhằm đảm bảo trình tự đề cử, ứng cử và công bố thông tin được thực hiện minh bạch, đúng quy định pháp luật và tạo điều kiện cho Đại hội đồng cổ đông có đủ ứng viên để bầu.
	Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	Điều 38. Thành phần Ban Kiểm soát	
54	Chưa quy định	<u>5. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:</u> <u>- Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.</u> <u>-Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm</u>	Bổ sung quy định về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông thông qua miễn nhiệm; đồng thời làm rõ các trường hợp bị hạn chế quyền nhằm đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kiểm soát và phù hợp quy định pháp luật.

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u><i>đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</i></u> <u><i>- Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát, thực hiện tương tự quy định tại Điều 9 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</i></u>	
	Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	
55	8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.	8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác <u><i>có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. Việc cung cấp thông tin theo quy trình được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</i></u>	Điều chỉnh để làm rõ phạm vi, điều kiện tiếp cận thông tin của Ban kiểm soát; đồng thời bổ sung nghĩa vụ bảo mật và dẫn chiếu quy trình nội bộ nhằm đảm bảo kiểm soát thông tin chặt chẽ, phù hợp thực tiễn quản trị.
56	9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.	9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, <u><i>người điều hành Công ty</i></u> cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. <u><i>Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</i></u>	bổ sung quy định về trình tự, thủ tục cung cấp thông tin nhằm đảm bảo tính thống nhất với Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
	Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	

STT	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
57	1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.	1. Tổng Giám đốc <u><i>hàng năm phải xây dựng kế hoạch trình Hội đồng quản trị</i></u> thông qua về các vấn đề liên quan đến người lao động và người điều hành doanh nghiệp <u><i>thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</i></u>	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo quyền của HĐQT, TGD theo đúng Điều lệ Công ty.

2/ANG



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 53/TTr-XNK-HĐQT

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

**V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Qua rà soát, đánh giá việc áp dụng các quy chế, đồng thời cập nhật các quy định pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty, gồm:

- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Nhằm bảo đảm các quy định được thiết lập đồng bộ, rõ ràng về thẩm quyền, trách nhiệm và quy trình xử lý công việc; qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị và điều hành Công ty (*Đính kèm các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị*).

2. Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện, ký ban hành các quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bạch Ngọc Văn

PHỤ LỤC (Đính kèm Tờ trình số 53/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026)
NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Lưu ý:

- Các điều không nêu tại bảng tổng hợp này là không thay đổi.
- Các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung so với Quy chế nội bộ về QTCT hiện hành là các dòng chữ thể hiện dưới dạng in nghiêng, bôi đậm, gạch chân.
- Ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên, Công ty thực hiện điều chỉnh một số lỗi chính tả, trình bày, kỹ thuật văn bản (nếu có) nhưng không làm thay đổi nội dung Quy chế nội bộ về QTCT.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	
1	Chưa quy định	<u>1. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty;</u> <u>2. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;</u> <u>3. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;</u> <u>4. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</u>	Bổ sung để đồng nhất với Điều lệ Công ty.



		<u>5. Người điều hành doanh nghiệp là Ban điều hành công ty, gồm có: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;</u> <u>6. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, phó chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, kế toán trưởng Công ty và các chức danh khác do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm;</u> <u>7. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</u> <u>8. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;</u> <u>9. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</u> <u>10. Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên</u> <u>11. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.</u> <u>13. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu là bộ phận phụ trách công tác xác định điều kiện tiến hành đại hội cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u> <u>21. Đại hội trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.</u>	
--	--	--	--

		<u>22. Bộ phiếu điện tử là việc cổ đông thực hiện biểu quyết thông qua Hệ thống bộ phiếu điện tử được quy định tại Quy chế này.</u> <u>23. Tên đăng nhập, mật khẩu truy cập bao gồm thông tin tên truy cập (username) và mật khẩu (password) được Công ty cấp duy nhất cho từng cổ đông.</u> <u>24. Địa chỉ liên lạc là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc</u> <u>25. Bí mật thương mại là các thông tin về lượng hàng hoá dự trữ, về giá thành và lợi nhuận, về tài chính, về giải pháp công nghệ và kỹ thuật kinh doanh như quy trình, kỹ thuật và bí quyết kỹ thuật trong sản xuất; Thông tin khách hàng; Các thuật toán, quy trình được thực hiện trong Công ty; Công thức để sản xuất sản phẩm; Chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch xuất khẩu, kế hoạch tiếp thị; Thông tin về các hoạt động nghiên cứu phát triển; v.v...</u> <u>26. Bí mật kinh doanh là các thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh như quy trình công thức, mẫu hàng, thiết bị hoặc tập hợp các loại thông tin khác mà được sử dụng trong một thời gian nhất định trong Công ty; thông tin kỹ thuật dùng trong quá trình sản xuất hàng hoá; chiến lược tiếp thị, xuất khẩu hoặc bán hàng, hay phương pháp lưu trữ tài liệu hoặc các quy trình và thủ tục quản lý kinh doanh, kể cả phần mềm dùng cho các hoạt động kinh doanh, v.v...</u>	
--	--	---	--

	Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
2	2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: a) HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;	2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: a) HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn <u>sáu mươi (60)</u> ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ công ty;	Thay đổi thời gian thuận tiện thực hiện nhưng vẫn đảm bảo đúng quy định.
	Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông	
3	1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa: g. Đoàn Chủ tọa gồm 3 - 5 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 2 - 4 thành viên;	1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa: g. Đoàn Chủ tọa gồm <u>01 Chủ tịch và các thành viên (nếu có)</u> ;	Điều chỉnh cho phù hợp thực tế
	Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	
4	2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.	2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông và các thủ tục liên quan theo quy định tại Quy chế thực hiện quyền của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam <u>hoặc các Quy định khác của pháp luật (áp dụng khi Công ty không đăng ký chứng khoán tại VSDC).</u>	Bổ sung trường hợp khi công ty không ĐKCK tại VSDC
	Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
5	1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số	1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.	Bỏ câu "nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn" vì Điều lệ quy định 21 ngày.

	doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.		
6	2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ Công ty.	2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.	Bỏ câu “trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.” Theo tình hình thực tế của Công ty.
7	3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.	3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b) Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử. <u>Trong trường hợp mời họp Đại hội cổ đông bằng hình thức trực tuyến thì Phiếu biểu quyết/bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.</u>	Quy định thêm trường hợp bỏ phiếu điện tử, áp dụng công nghệ số vào tổ chức ĐHĐCĐ.
Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông		Điều 7. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông	
8	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này. 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về	1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp <u>theo quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty.</u>	Quy về Điều lệ để ngắn gọn Quy chế hơn.

việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội; f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g. Các công việc khác phục vụ đại hội. 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:		
---	--	--

	a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; c. Phiếu biểu quyết/bầu cử; d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.		
9	4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty <u>chậm nhất 07 ngày làm việc</u> trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Điều chỉnh thời gian nhận kiến nghị của cổ đông phù hợp với quy trình tổ chức cuộc họp HĐQT và đủ thời gian để HĐQT xem xét <i>"Khoản 6 Điều 30 Điều lệ: Cuộc họp của HĐQT"</i> 6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp <u>chậm nhất là 03 ngày làm việc</u> trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, hình thức họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu

			<i>biểu quyết của thành viên.:"</i>
10	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:	3. <u>Trường hợp</u> Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này <u>thì chậm nhất là hai (02) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</u>	Theo Khoản 3 Điều 142 Luật Doanh nghiệp
	Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	Điều 8. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông	
11	2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty; b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty; b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, <u>chữ ký ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u> <u>Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người khác.</u>	Quy định cụ thể trường hợp Ủy quyền lại của Cổ đông.

12	3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó.	3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông <u>trực tiếp</u>: Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau: a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, <u>đại biểu ký xác nhận việc tham dự ĐHĐCĐ</u>, sau đó Công ty cấp cho từng đại biểu một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó.	Phù hợp với tình hình thực tế của Công ty
	Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Điều 10. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	
13	Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp: <u>a) Cuộc họp trực tiếp</u> <u>b) Hội nghị trực tuyến</u> <u>c) Hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến</u> <u>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (Quy định tại Phần II – Chương này):</u> <u>a) Gửi phiếu lấy ý kiến bằng gửi thư, fax hoặc thư điện tử</u> <u>b) Gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử</u> <u>c) Gửi phiếu lấy ý kiến bằng gửi thư, fax hoặc thư điện tử kết hợp bỏ phiếu điện tử</u>	Bổ sung các hình thức tổ chức ĐHĐCĐ để thực hiện linh động 

	Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đ hội đồng cổ đông trực tiếp	
14	2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử a. Phiếu biểu quyết ➢ Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.. ➢ Phiếu biểu quyết không hợp lệ: - Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ b. Phiếu bầu cử ➢ Phiếu bầu cử hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu. ➢ Phiếu bầu cử không hợp lệ: - Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ	1. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử a) <u>Thẻ biểu quyết</u> - <u>Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho Thẻ này.</u> - <u>Thẻ biểu quyết không hợp lệ: Nội dung không đúng theo các quy định của Thẻ biểu quyết hợp lệ.</u> b) Phiếu biểu quyết - <u>Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này. Trường hợp bỏ phiếu trực tiếp/bỏ phiếu từ xa (thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ công ty) phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu.</u> Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. - Phiếu biểu quyết không hợp lệ: Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ. c) Phiếu bầu cử - Phiếu bầu cử hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu treo của Công ty, không tẩy	Bổ sung hình thức thẻ biểu quyết và bỏ phiếu từ xa

	- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu; - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu; - Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.	xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này. <u>Trường hợp bỏ phiếu trực tiếp/bỏ phiếu từ xa (thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ công ty) phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm kiểm phiếu.</u> - Phiếu bầu cử không hợp lệ: • Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ; • Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu; • Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu; • Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.	
	Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp	
15	2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “√” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của	2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: - Khi biểu quyết được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp: Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “√” vào ô mình chọn và gửi Phiếu biểu quyết về cho Ban kiểm phiếu trước thời	Bổ sung hình thức kiểm phiếu theo hình thức bỏ phiếu điện tử, áp dụng công nghệ số.

	Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.	điểm kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu. - <u>Khi biểu quyết được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.</u>	
	Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	
16	1. Nguyên tắc chung - Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; - Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.	1. Nguyên tắc chung - Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; - <u>Việc bầu cử được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác</u> - Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.	Bổ sung thêm khi Công ty có kế hoạch áp dụng công nghệ vào tổ chức ĐHĐCĐ
17	2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu - Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu; - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên; - Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp	2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử a) Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu - Mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên cần bầu; - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên; - Trường hợp <u>thay đổi</u> ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, <u>Ban kiểm phiếu có trách nhiệm</u> cấp lại phiếu bầu cử mới và <u>thu</u> lại phiếu cũ <u>(nếu có) trước thời điểm kiểm phiếu;</u>	

lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu); - Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ; - Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau: + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu; + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng; + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng. Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”. - Nguyên tắc trúng cử: + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.	- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ; - Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau: • Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu; • Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng; • Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng. - Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”. - Nguyên tắc trúng cử: • Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. • Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau <u>hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông hoặc Điều lệ công ty.</u>	
--	--	--

	+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu. b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.	b) Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này. c) <u>Bầu cử được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu điện tử: thực hiện tương tự như quy định tại điều 31 quy chế này.</u>	
	Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	Điều 15. Cách thức kiểm phiếu	
18	Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.	Cách thức kiểm phiếu được tiến hành <u>như sau:</u> <u>- Tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết/bầu cử (theo phương thức biểu quyết) đối với từng vấn đề biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp theo quy định tại Điều lệ Công ty;</u> <u>- Tổng hợp phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, số phiếu bầu cho từng ứng cử viên và các nội dung khác theo quy định Điều lệ Công ty.</u>	Quy định cụ thể hơn cách thức kiểm phiếu
	Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Điều 22. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	
19	1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	1. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông <u>gửi phiếu lấy ý kiến</u> tối thiểu <u>20</u> ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Điều chỉnh lại cho thống nhất với dự thảo điều lệ.
	3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích lấy ý kiến;	<u>3.</u> Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích lấy ý kiến; - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ	Bổ sung thêm hình thức phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông; - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; - Phương án bầu cử (nếu có); - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây: - Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;	sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông; - Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; - Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; - Phương án bầu cử (nếu có); - Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT. <u>4. Hình thức gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</u> a) Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử: - <u>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của đại biểu.</u> - Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. b) <u>Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử</u>	
--	--	--

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	i) <u>Cung cấp tài khoản truy cập</u> - <u>Thông tin tài khoản truy cập được Công ty thông báo cho đại biểu kèm theo Phiếu lấy ý kiến cổ đông qua hình thức gửi thư đảm bảo.</u> - <u>Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin truy cập, Công ty có thể thông báo qua các hình thức: trực tiếp, gửi thư, thư điện tử, điện thoại hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Việc cung cấp thông tin truy cập được thực hiện dựa trên thông tin từ danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty.</u> ii) <u>Thực hiện bỏ phiếu điện tử</u> • <u>Nguyên tắc thực hiện:</u> - <u>Đại biểu chỉ có thể thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử kể từ khi nhận được Phiếu lấy ý kiến cổ đông cho đến thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến theo thông báo của Công ty.</u> - <u>Trong thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty, Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty.</u> - <u>Trong thời gian bỏ phiếu đã thông báo của Công ty, Đại biểu có thể thay đổi lại quyết định bỏ phiếu của mình trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Kết thúc thời gian bỏ phiếu theo thông báo của Công ty, Đại</u>	
--	--	--

		<u>biểu không được thay đổi kết quả bỏ phiếu của mình và kết quả cuối cùng này sẽ được Công ty kiểm phiếu và công bố thông tin.</u> • <u>Cách thức thực hiện:</u> - <u>Đại biểu sử dụng tài khoản truy cập do Công ty cấp để truy cập trực tiếp vào hệ thống bỏ phiếu điện tử để xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải trên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung biểu quyết/bầu cử cần lấy ý kiến cổ đông.</u> c) <u>Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử kết hợp gửi phiếu lấy ý kiến bằng bỏ phiếu điện tử.</u> <u>Thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này.</u>	
	Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử	Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử	
20	2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.	2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp, gửi thư, thư điện tử, điện thoại hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Việc cung cấp thông tin đăng nhập được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông <u>do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam</u> lập theo thông báo thực hiện quyền tham dự ĐHĐCD của Công ty.	Điều chỉnh phù hợp thực tế
	Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	

21	2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến: Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền. Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau: - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến. - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền. - Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.	2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến: Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền. Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau: - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến. - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền. - <u>Giấy ủy quyền bản chính phải được gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Trường hợp cổ đông chưa tham dự đại hội và đã tiến hành ủy quyền trực tuyến thì việc ủy quyền có hiệu lực khi Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về cho đến khi bế mạc Đại hội.</u> Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. <u>Trường hợp bên nhận ủy quyền đã tham dự Đại hội thì</u> thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị	Bổ sung quy định nhằm làm rõ hiệu lực pháp lý của ủy quyền trực tuyến
----	---	--	--

		hủy ủy quyền trực tuyến, <u>hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.</u>	
	Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến	
22	2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử: - Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.	b) Cách thức bỏ phiếu bầu cử: - Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử <u>theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử trực tuyến được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.</u> Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.	Để đảm bảo linh hoạt vận hành và tránh quy định chi tiết kỹ thuật trong Quy chế
23	3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử: - Trong trường hợp Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.	c) Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử: - Trong trường hợp bầu dồn phiếu, phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử <u>hoặc các quy định khác theo hướng dẫn của Quy chế bầu cử trực tuyến được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</u>	Đồng bộ với phương thức bầu dồn phiếu và dẫn chiếu Quy chế bầu cử để đảm bảo linh hoạt
	Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến	Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến	
24	Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.	Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết/ bầu cử đều được ghi nhận trên hệ thống <u>bỏ phiếu điện tử. Căn cứ kết quả biểu quyết/bầu cử theo hình thức bỏ phiếu điện tử, Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả biểu quyết/bầu cử theo nguyên tắc sau:</u>	Làm rõ quy trình kiểm phiếu điện tử và cách tổng hợp kết quả để đảm bảo minh bạch, thống nhất với Điều lệ

		<u>- Tổng hợp phiếu biểu quyết/bầu cử (theo phương thức biểu quyết) đối với từng vấn đề biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp theo quy định tại Điều lệ Công ty;</u> <u>- Tổng hợp phiếu bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, số phiếu bầu cho từng ứng cử viên và các nội dung khác theo quy định Điều lệ Công ty.</u>	
	Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT	
25	4. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	4. Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty;	Bổ dẫn chiếu cụ thể
26	9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/NĐ-CP;	9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông <u>theo quy định pháp luật hiện hành.</u>	Quy định theo hướng dẫn chung “pháp luật hiện hành” để đảm bảo cập nhật linh hoạt
27	Chưa quy định	<u>10. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;</u>	Bổ sung phù hợp quy định mới
	Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT	Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT	

28	1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, quy chế quản trị nội bộ công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.	1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty. <u>Quy trình cung cấp thông tin theo quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.</u>	Bổ sung quy trình cung cấp thông tin
	Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT	Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị HĐQT	
29	3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: a. Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị; b. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp; c. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. d. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.	3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau: a) <u>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành tối thiểu là 01 thành viên.</u> b) Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp. c) <u>Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:</u> - <u>Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.</u>	Cập nhật theo hướng dẫn tại Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và mô hình quản trị hiện tại của Công ty

		- <u>Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</u> - <u>Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 8 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</u> d) Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. e) Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.	
	Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT	Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT	
30	3. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.	3. Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT <u>hoặc Hội đồng thành viên</u> tại tối đa 05 công ty khác.	Căn cứ Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP
	Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị	
31	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02)	Làm rõ quy trình, thời hạn và điều kiện đề cử/ứng cử nhằm đảm bảo minh bạch, chủ động công bố thông tin và phù hợp thực tiễn tổ chức ĐHĐCĐ

đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.	ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên. <u>Văn bản đề cử ứng cử viên ghi rõ tên cổ đông hoặc nhóm cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại thời điểm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị và các thông tin liên quan đến ứng cử viên (hồ sơ ứng cử viên) theo quy định tại Điều 25 Điều lệ công ty.</u> <u>Việc đề cử ứng cử viên đối với hình thức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</u> - <u>Trường hợp Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đề nghị bằng văn bản về việc đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị trước 15 (mười lăm) ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét hợp thông qua trong vòng 5 (năm) ngày kể từ khi nhận được đề nghị đề cử, ứng cử và công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu có quyết định từ chối ứng cử viên, Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày Hội đồng quyết định và phải nêu rõ lý do từ chối.</u> - <u>Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử không đảm bảo tối thiểu 15 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị gửi thông báo thời gian xem xét hồ sơ ứng cử viên đến cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong vòng 3 (ba) ngày kể từ ngày</u>	
--	--	--

		<u>nhân đề cử, ứng cử. Trong thời gian xem xét nêu trên, Hội đồng quản trị sẽ công bố thông tin ứng cử viên ngay khi Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ ứng cử viên. Trường hợp Hội đồng quản trị không có đủ thời gian xem xét như đã thông báo, Hội đồng quản trị sẽ trình thông tin đề cử, ứng cử này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>Việc đề cử ứng cử viên đối với hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</u> - <u>Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Quy chế đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị (biểu mẫu và các thông tin liên quan đến việc đề cử, ứng cử) ngay khi Hội đồng quản trị quyết định thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc bầu cử.</u> - <u>Trường hợp Cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đề nghị bằng văn bản về việc đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị trước 5 (năm) ngày Công phải gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xem xét họp thông qua trong vòng 5 (năm) ngày kể từ khi nhận được đề nghị đề cử, ứng cử. Nếu có quyết định từ chối ứng cử viên, Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản cho cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử trong vòng 5 (năm) ngày kể từ ngày Hội đồng quyết định và phải nêu rõ lý do từ chối.</u> - <u>Trường hợp cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử không đảm bảo tối thiểu trước 5 (năm) ngày Công ty phải gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Hội đồng quản trị sẽ</u>
--	--	---

		<u>không tiếp nhận đề nghị đề cử ứng cử viên, và sẽ báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất (nếu có).</u>	
32	Chưa quy định	3. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là năm (05) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.	Bổ sung phương án xử lý khi không đủ số lượng ứng viên nhằm đảm bảo tính liên tục, hợp lệ của quy trình bầu cử HĐQT.
	Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT	Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT	
33	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	1. Chủ tịch HĐQT <u>và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có)</u> do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.	Phù hợp thực tế
	Điều 55. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 55. Thù lao, lương, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	
34	1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	1. Công ty có quyền trả thù lao, <u>lương</u> , thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	Phù hợp thực tế
35	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc	2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc, <u>lương</u> và thưởng. Tổng mức thù lao, <u>lương</u> và thưởng của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	Phù hợp thực tế

	nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.		
36	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	3. Thù lao, <u>tiền lương</u> của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Phù hợp thực tế
	Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường	
37	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.	3. Chủ tịch HĐQT phải <u>gửi thông báo mời họp</u> đến các thành viên HĐQT trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận Công ty nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này <u>và chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp</u> . Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT <u>triệu tập họp HĐQT, quy trình triệu tập tương tự như Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo đề nghị</u> .	Làm rõ thời hạn và quy trình triệu tập họp
	Điều 59. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	Điều 59. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	
38	Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp lần 2 đến thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Cuộc họp Hội đồng</u>	Bổ sung thời hạn và quy trình triệu tập họp lần 2

		<u>quản trị phải được tổ chức không quá 10 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất.</u> Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.	
	Điều 60. Cách thức biểu quyết	Điều 60. Cách thức biểu quyết	
39	1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác <u>theo quy định của pháp luật (nếu có).</u>	
40	Chưa quy định	<u>7. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản phải có Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020. Đồng thời đảm bảo các nội dung theo khoản 1 điều 158 Luật doanh nghiệp</u>	Bổ sung quy định tại Điều 158 LDN
	Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	
41	Chưa quy định	<u>Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều 43 Điều lệ công ty.</u>	Bổ sung quy định hạn chế quyền biểu quyết nhằm phòng ngừa xung đột lợi ích theo Luật Doanh nghiệp
	Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị	

42	Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho <u>thành viên HĐQT khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u>	Quy định cụ thể hơn về việc ủy quyền cho TV HĐQT khác
	Điều 66. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT	Điều 66. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT	
43	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	1. <u>Khi xét thấy cần thiết</u> , Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương, thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	Bổ sung điều kiện “khi xét thấy cần thiết” để tăng tính linh hoạt trong việc thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT.
	Điều 72. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	Điều 72. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	
44	Chưa quy định	<u>4. Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 1, Điều 45 Điều lệ Công ty và thực hiện việc các đề nghị cung cấp thông tin theo yêu cầu này đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc các người quản lý khác. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách</u>	Bổ sung trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc cung cấp thông tin

		<i>nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.</i>	
	Điều 74. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	Điều 74. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát	
45	4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.	4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam. <u>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</u>	Bổ sung quy định Điều 168 Luật Doanh nghiệp 2020
	Điều 75. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	Điều 75. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	
46	Chưa quy định	<u>3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đông khác đề cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ</u>	

		<u>đồng biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u>	
	Điều 77. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Điều 77. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	
47	Chưa quy định	<u>3. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:</u> <u>- Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.</u> <u>- Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</u> <u>- Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát, thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị</u>	
	Điều 80. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	Điều 80. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc	

48	2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc; i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: <u>e) Tuyển dụng, điều động, cho thôi việc, khen thưởng, kỷ luật người lao động, trừ người quản lý công ty;</u> f) Quyết định tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, <u>trừ người quản lý công ty;</u> <u>h) Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu;</u> i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, <u>Quy chế nội bộ về quản trị công ty</u> và theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, <u>Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hợp đồng lao động ký với Công ty (trường hợp thuê người khác làm Tổng Giám đốc).</u>	Làm rõ phạm vi thẩm quyền của Tổng Giám đốc
	Điều 89. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	Điều 89. Các trường hợp Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	
49	Chưa quy định	<u>2. Những vấn đề Tổng Giám đốc cần xin ý kiến HĐQT:</u> <u>a) Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</u> <u>b) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</u> <u>c) Tổng Giám đốc báo cáo hàng năm cho Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến người lao động và người điều hành doanh nghiệp;</u> <u>d) Tổng Giám đốc báo cáo hàng năm với HĐQT về các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công</u>	Bổ sung các nội dung Tổng Giám đốc phải xin ý kiến nhằm làm rõ cơ chế phối hợp



		<u>đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</u> <u>e) Trình Báo cáo tài chính kiểm toán cho từng năm tài chính để HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua;</u> <u>f) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</u> <u>g) Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo;</u> <u>h) Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.</u> <u>3. Những vấn đề Tổng Giám đốc cần xin ý kiến Chủ tịch HĐQT: Khi xử lý các vấn đề hoặc thực thi các quyết định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT.</u>	
	Điều 92. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	Điều 92. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	
50	2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS b. Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát;	3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS: b) Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát, <u>trừ những thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh của Công ty.</u>	Làm rõ phạm vi cung cấp thông tin, bổ sung ngoại lệ bảo mật để bảo vệ bí mật kinh doanh của Công ty
	Điều 93. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	Điều 93. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các Thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	

51	2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;	2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: c) Thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty <u>(không bao gồm các thông tin thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty)</u> tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ, <u>nhằm mục đích thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục Quy chế này. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao;</u>	Làm rõ phạm vi tiếp cận thông tin, bổ sung điều kiện và nghĩa vụ bảo mật
52	3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả. a. Khi có Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định; b. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý; c. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại	3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả. a) Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định; <u>b) Tổng Giám đốc báo cáo cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến người lao động và người điều hành doanh nghiệp;</u> <u>c) Tổng Giám đốc báo cáo hàng năm với</u> HĐQT về các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành; d) Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công	Làm rõ cơ chế phối hợp và trách nhiệm giữa Tổng Giám đốc và HĐQT



Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành; d. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật; e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.HĐQT.	ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật; e) Các nội dung khác cần xin ý kiến HĐQT theo quy định tại Khoản 2 Điều 90 Quy chế này, Tổng Giám đốc phải gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi từ HĐQT.	
--	---	--



PHỤ LỤC (Đính kèm Tờ trình số 53/TTr-XNK-HĐQT ngày 24/4/2026)
NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Lưu ý:

- Các điều không nêu tại bảng tổng hợp này là không thay đổi.
- Các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành là các dòng chữ thể hiện dưới dạng in nghiêng, bôi đậm, gạch chân.
- Ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên, Công ty thực hiện điều chỉnh một số lỗi chính tả, trình bày, kỹ thuật văn bản (nếu có) nhưng không làm thay đổi nội dung Quy chế.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
1.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích thuật ngữ	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích thuật ngữ	
2.	Chưa quy định	<u>3. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</u> <u>a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;</u> <u>b) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;</u> <u>c) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội</u>	Bổ sung cho đầy đủ và thống nhất với Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;</u> <u>d) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty và các chức danh khác do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm;</u> <u>e) Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</u> <u>f) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;</u> <u>g) Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên;</u> <u>h) Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định của Điều lệ công ty.</u> <u>i) Bí mật thương mại là các thông tin về lượng hàng hoá dự trữ, về giá thành và lợi nhuận, về tài chính, về giải pháp công nghệ và kỹ thuật kinh doanh như quy trình, kỹ thuật và bí quyết kỹ thuật trong sản xuất; Thông tin khách hàng; Các thuật toán, quy trình được thực hiện trong Công ty; Công thức để sản xuất sản</u>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>phẩm; Chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch xuất khẩu, kế hoạch tiếp thị; Thông tin về các hoạt động nghiên cứu phát triển; v.v...</u> <u>k) Bí mật kinh doanh là các thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh như quy trình công thức, mẫu hàng, thiết bị hoặc tập hợp các loại thông tin khác mà được sử dụng trong một thời gian nhất định trong Công ty; thông tin kỹ thuật dùng trong quá trình sản xuất hàng hoá; chiến lược tiếp thị, xuất khẩu hoặc bán hàng, hay phương pháp lưu trữ tài liệu hoặc các quy trình và thủ tục quản lý kinh doanh, kể cả phần mềm dùng cho các hoạt động kinh doanh, v.v...</u>	
3.	Chưa quy định	<u>4. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.</u>	
4.	Chưa quy định	<u>5. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.</u>	
5.	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
6.		2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. <u>Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.</u>	Bổ sung quy trình để đảm bảo quyền lợi cổ đông và đảm bảo thời gian để Công ty tập hợp và cung cấp tài liệu theo yêu cầu.
7.	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	
8.	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty khác; d. Trường hợp doanh nghiệp thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp <u>và phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 155 Luật doanh nghiệp;</u> b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; c) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Hội đồng thành viên</u> tại tối đa 05 công ty khác; d. Trường hợp doanh nghiệp thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp	Cập nhật điểm c khoản 1 điều này theo hướng dẫn tại Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và mô hình quản trị hiện tại của Công ty.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;	và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;	
9.	Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
10.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	1. Chủ tịch <u>và các Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có)</u> do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	Bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty
11.	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	
12.	Chưa quy định	<u>2. Thành viên Hội đồng quản trị vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:</u> <u>- Thành viên Hội đồng quản trị bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.</u>	Bổ sung quy định và trách nhiệm của thành viên HĐQT sau khi gửi đơn từ nhiệm

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>- Thành viên Hội đồng quản trị đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</u> <u>- Hội đồng quản trị có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều này.</u>	
13.	Chưa quy định	<u>3. Trường hợp Thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ nhiệm/từ chức, trình tự và thủ tục tiếp nhận cụ thể như sau:</u> <u>a) Để thông báo từ nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức phải gửi Đơn từ nhiệm/từ chức đến Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</u> <u>- Chức vụ từ nhiệm/từ chức;</u> <u>- Lý do từ nhiệm/từ chức;</u> <u>- Thời điểm có hiệu lực (ghi rõ ngày bắt đầu có hiệu lực);</u> <u>- Chữ ký và ghi rõ họ tên của thành viên Hội đồng quản trị.</u>	Quy định rõ quy trình tiếp nhận và xử lý đơn từ nhiệm/từ chức của thành viên HĐQT

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>b) Quy trình xử lý đơn từ nhiệm/từ chức của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điểm a khoản này như sau:</u> <u>- Công ty công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn từ nhiệm/từ chức.</u> <u>- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đơn từ nhiệm/từ chức và chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.</u> <u>- Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tổ chức không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày Công ty nhận được đơn từ nhiệm/từ chức.</u> <u>+ Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và quyền nhận thù lao của thành viên Hội đồng quản trị.</u>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>+ Trường hợp Hội đồng quản trị không thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức, thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do từ chối tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức đến thành viên Hội đồng quản trị từ nhiệm/từ chức chậm nhất 02 ngày làm việc sau ngày có quyết định.</u> <u>- Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức phải được công bố thông tin bắt thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi có quyết định.</u> <u>c) Thành viên Hội đồng quản trị không được rút đơn từ nhiệm/từ chức, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định không tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức.</u>	
14.	Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	
15.	Chưa quy định	<u>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 3 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị không đủ số lượng cần thiết trong thời</u>	Bổ sung quy trình đề cử, ứng cử cho cổ đông, tổ chức khác trong trường hợp không đủ ứng viên

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>hạn chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị tổ chức cho các cổ đông khác để cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm tổ chức cho các đông khác để cử thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</u>	
16.	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
17.	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị <u>và các Phó Chủ tịch (nếu có)</u>; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội	Bổ sung thêm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cho phù hợp với tình hình thực tế.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;	
18.	r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.	r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. <u>Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.</u>	Bổ sung quy trình để đảm bảo quyền lợi của cổ đông và đảm bảo thời gian để Công ty tập hợp và cung cấp tài liệu theo yêu cầu.
19.	Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	
20.	1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban khác trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có	1. <u>Khi xét thấy cần thiết</u> , Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban khác trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban	Cho phù hợp với quy mô và tình hình thực tế của Công ty.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.	
21.	Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	
22.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: <u>d) Các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.</u>	Cho phù hợp với quy mô và tình hình thực tế của Công ty.
23.	13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho <u>thành viên Hội đồng quản trị khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</u>	Quy định cụ thể hơn về việc ủy quyền của thành viên HĐQT khác
24.	Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 18. Thù lao, <u>lương</u>, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Bổ sung từ “<u>lương</u>” cho phù hợp quy định
25.	1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	1. Công ty có quyền trả thù lao, <u>lương</u> , thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	Bổ sung từ “Lương” cho phù hợp với Nghị định 248/2025/NĐ-CP trường hợp có thành viên HĐQT làm việc chuyên trách
26.	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng <u>lương</u> , thù lao công việc và thưởng. Tổng mức tiền lương, thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	Bổ sung từ “Lương cho phù hợp với Nghị định 248/2025/NĐ-CP trường hợp có thành

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
			viên HĐQT làm việc chuyên trách
27.	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	3. Thù lao, <u>tiền lương</u> của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Bổ sung từ “Lương cho phù hợp với Nghị định 248/2025/NĐ-CP trường hợp có thành viên HĐQT làm việc chuyên trách



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 05/TTr-XNK-BKS

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Qua rà soát, đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy chế hiện hành, đồng thời cập nhật các quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu tăng cường hiệu quả công tác giám sát, kiểm soát, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty, nhằm bảo đảm quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của Ban Kiểm soát được xác lập rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu công tác giám sát, kiểm soát trong giai đoạn hiện nay (*Đính kèm các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát*).

2. Giao Trưởng Ban Kiểm soát Công ty tổ chức triển khai thực hiện, ký ban hành Quy chế sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, P.TCHC.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Mai Trinh



PHỤ LỤC (Đính kèm Tờ trình số 05/TTr-XNK-BKS ngày 24/4/2026)
NỘI DUNG SỬA ĐỔI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Lưu ý:

- Các điều không nêu tại bảng tổng hợp này là không thay đổi.
- Các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung so với Quy chế hiện hành là các dòng chữ thể hiện dưới dạng in nghiêng, bôi đậm, gạch chân.
- Ngoài các nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên, Công ty thực hiện điều chỉnh một số lỗi chính tả, trình bày, kỹ thuật văn bản (nếu có) nhưng không làm thay đổi nội dung Quy chế.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và giải thích thuật ngữ	
1.	Chưa quy định	<u>3. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</u> <u>a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang;</u> <u>b) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung;</u> <u>c) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội</u>	Bổ sung cho đầy đủ và thống nhất với Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.



STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung;</u> <u>d) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty và các chức danh khác do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm;;</u> <u>e) Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</u> <u>f) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;</u> <u>g) Thành viên Ban kiểm soát là Kiểm soát viên;</u> <u>h) Thành viên HĐQT không điều hành là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định của Điều lệ công ty.</u> <u>i) Bí mật thương mại là các thông tin về lượng hàng hoá dự trữ, về giá thành và lợi nhuận, về tài chính, về giải pháp công nghệ và kỹ thuật kinh doanh như quy trình, kỹ thuật và bí quyết kỹ thuật trong sản xuất; Thông tin khách hàng; Các thuật toán, quy trình được thực hiện trong Công ty; Công thức để sản xuất sản</u>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>phẩm; Chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch xuất khẩu, kế hoạch tiếp thị; Thông tin về các hoạt động nghiên cứu phát triển; v.v...</u> <u>k) Bí mật kinh doanh là các thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh như quy trình công thức, mẫu hàng, thiết bị hoặc tập hợp các loại thông tin khác mà được sử dụng trong một thời gian nhất định trong Công ty; thông tin kỹ thuật dùng trong quá trình sản xuất hàng hoá; chiến lược tiếp thị, xuất khẩu hoặc bán hàng, hay phương pháp lưu trữ tài liệu hoặc các quy trình và thủ tục quản lý kinh doanh, kể cả phần mềm dùng cho các hoạt động kinh doanh, v.v...</u>	
2.	Chưa quy định	<u>4. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.</u>	
3.	Chưa quy định	<u>5. Các tiêu đề (Mục, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.</u>	
	Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	Điều 7. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	
4.	Chưa quy định	<u>3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử thêm theo khoản 2 Điều này vẫn</u>	Bổ sung quy định về xử lý trường hợp số lượng

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát công bố thông tin về việc số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát không đủ số lượng cần thiết trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác để cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các đông khác để cử thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</u>	ứng viên Ban kiểm soát không đủ nhằm đảm bảo trình tự đề cử, ứng cử và công bố thông tin được thực hiện minh bạch, đúng quy định pháp luật và tạo điều kiện cho Đại hội đồng cổ đông có đủ ứng viên để bầu.
	Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	
5.	Chưa quy định	<u>2. Thành viên Ban kiểm soát vẫn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát, trừ quyền tham dự, biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và quyền nhận thù lao của thành viên Ban kiểm soát ngay khi Công ty nhận được thông báo về các trường hợp sau đây:</u> <u>- Thành viên Ban kiểm soát bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.</u>	Bổ sung quy định về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên BKS trong thời gian chờ Đại hội đồng cổ đông thông qua miễn nhiệm; đồng thời làm rõ các trường hợp bị hạn chế quyền nhằm đảm bảo tính liên tục trong hoạt động kiểm

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<u>- Thành viên Ban kiểm soát đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.</u> <u>- Ban kiểm soát có quyết định thông qua việc tiếp nhận đơn từ nhiệm/từ chức của Thành viên Ban kiểm soát, thực hiện tương tự quy định tại Điều 8 Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</u>	soát và phù hợp với quy định của pháp luật.
	Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	
6.	Chưa quy định	<u>7. Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận các yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ của cổ đông phổ thông quy định tại khoản 1, Điều 45 Điều lệ Công ty và thực hiện việc các đề nghị cung cấp thông tin theo yêu cầu này đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc các người quản lý khác. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao.</u>	Điều chỉnh để làm rõ phạm vi, điều kiện tiếp cận thông tin của BKS; đồng thời bổ sung nghĩa vụ bảo mật và dẫn chiếu quy trình nội dung nhằm đảm bảo kiểm soát thông tin chặt chẽ, phù hợp thực tiễn quản trị.
7.	17. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và	17. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi	Bổ sung quy trình để đảm bảo quyền lợi của

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ/CĂN CỨ PHÁP LÝ
	lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.	ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. <u>Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.</u>	cổ đông và đảm bảo thời gian để Công ty tập hợp và cung cấp tài liệu theo yêu cầu.
	Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	
8.	2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.	2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác <u>có liên quan đến việc thực thi nhiệm vụ được phân công của thành viên Ban kiểm soát nếu được Ban kiểm soát thông qua, và những thông tin này không thuộc phạm vi bí mật kinh doanh của công ty. Người được cung cấp thông tin có trách nhiệm bảo mật thông tin được cung cấp, sử dụng đúng mục đích cho công việc được giao;</u> có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. Quy trình yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.	Điều chỉnh để làm rõ phạm vi, điều kiện tiếp cận thông tin của BKS; đồng thời bổ sung nghĩa vụ bảo mật và dẫn chiếu quy trình nội bộ nhằm đảm bảo kiểm soát thông tin chặt chẽ, phù hợp thực tiễn quản trị.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 54/TTr-XNK-HĐQT

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026, thông qua danh sách ứng viên thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2026 – 2031

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

1. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 do hết nhiệm kỳ.

1.1. Hội đồng quản trị, gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT
2.	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	PCT thường trực HĐQT
3.	Ông Mai Thành Công	PCT HĐQT
4.	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT
5.	Bà Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT

1.2. Ban Kiểm soát, gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban
2.	Ông Trần Công Lý	Thành viên
3.	Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên

2. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2026 - 2031, như sau:

2.1. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Phụ ghi
1.	Ông Bạch Ngọc Văn	Đính kèm Sơ yếu lý lịch
2.	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Đính kèm Sơ yếu lý lịch
3.	Ông Mai Thành Công	Đính kèm Sơ yếu lý lịch
4.	Ông Phạm Minh Trung	Đính kèm Sơ yếu lý lịch
5.	Bà Trần Tú Khanh	Đính kèm Sơ yếu lý lịch

2.2. Danh sách ứng viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Phụ ghi
1.	Ông Trần Công Lý	Đính kèm Sơ yếu lý lịch
2.	Bà Trần Thị Phương Lan	Đính kèm Sơ yếu lý lịch
3.	Ông Cao Văn Nghị	Đính kèm Sơ yếu lý lịch

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.



Bạch Ngọc Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

Họ và tên : Bạch Ngọc Văn

Ứng cử viên : Thành viên Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên:</i>	Bạch Ngọc Văn
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	28/10/1975
<i>Nơi sinh:</i>	Đồng Nai
<i>CMND/CCCD: 091075013381</i>	Ngày cấp: 28/6/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam.
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 61- F8 đường Văn Cao, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.
<i>Số điện thoại liên lạc:</i>	
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	+ Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; + Cử nhân kinh tế chuyên ngành kinh tế đối ngoại; + Cử nhân Ngôn ngữ Anh; + Giám đốc điều hành doanh nghiệp.
<i>Quá trình công tác:</i> + Từ năm 1998 đến năm 1999: Nhân viên Xuất nhập khẩu - Phòng nhập khẩu Trung tâm Dụng cụ Y khoa Quận 1, TP.HCM. + Từ tháng 01/2000 đến tháng 03/2000: Nhân viên Xuất nhập khẩu - Công ty TDS, Quận 10 Tp.HCM. + Từ tháng 04/2000 đến tháng 05/2000: Nhân viên Chi nhánh Công ty tại Tp.HCM Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 05/2000 đến tháng 04/2002: Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 04/2002 đến tháng 05/2004: Phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 05/2004 đến tháng 12/2005: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 12/2005 đến tháng 12/2007: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 01/2008 đến tháng 12/2011: Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	

+ Từ tháng 01/2012 đến tháng 02/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
+ Từ tháng 03/2016 đến tháng 06/2016: Giám đốc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang.	
+ Từ tháng 07/2016 đến tháng 04/2018: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
+ Từ tháng 05/2018 đến tháng 02/2022: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
+ Từ tháng 03/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
+ Từ tháng 05/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Nam.	
+ Từ tháng 06/2016- 04/2021: Người đại diện vốn của Tổng công ty Lương thực miền Nam tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
+ Từ tháng 06/2016 đến nay: Tổ trưởng Tổ đại diện vốn của Tổng công ty Lương thực miền Nam tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Nam.	
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có): Không có	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 19/3/2026):	7.880.264 cổ phần, chiếm 30,99% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	7.628.664 cổ phần, chiếm 30% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	251.600 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

An Giang, ngày 14 tháng 4 năm 2026

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên

Bạch Ngọc Văn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

Họ và tên : Dương Thị Thanh Nguyệt

Ứng cử viên : Thành viên Hội đồng quản trị

<i>Họ và tên:</i>	Dương Thị Thanh Nguyệt
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	27/02/1975
<i>Nơi sinh:</i>	Vĩnh Long
<i>CCCD: 091175004053</i>	Ngày cấp: 28/6/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Số 23 - E06, đường Đồng Đa, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.
<i>Số điện thoại liên lạc:</i>	
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán.
<i>Quá trình công tác:</i> + Từ tháng 07/1999 đến tháng 04/2001: Nhân viên kế toán - Công ty chế biến thực phẩm Xuất khẩu Kiên Giang. + Từ tháng 05/2001 đến tháng 03/2009: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 04/2009 đến tháng 06/2009: Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 07/2009 đến tháng 05/2010: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 06/2010 đến tháng 3/2015: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 04/2015 đến tháng 6/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 07/2016 đến tháng 10/2016: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang. + Từ tháng 10/2016 đến tháng 05/2018: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	

+ Từ tháng 05/2018 đến tháng 09/2023: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang. + Từ tháng 10/2023 đến nay: Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang. + Từ tháng 07/2016 đến nay: Người đại diện vốn của Tổng công ty Lương thực miền Nam tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.</i>	
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có</i>	
<i>Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có):</i>	
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 19/3/2026):</i>	
+ Đại diện sở hữu:	6.032.472 cổ phần, chiếm 23,72% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	5.927.472 cổ phần, chiếm 23,31% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	105.000 cổ phần, chiếm 0,41% vốn điều lệ
<i>Các cam kết nắm giữ (nếu có)</i>	
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có</i>	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



Dương Thị Thanh Nguyệt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

Họ và tên : Mai Thành Công
Ứng cử viên : Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Mai Thành Công
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	06 ngày 08 năm 1981
Nơi sinh:	Xã Đề Gi, tỉnh Gia Lai
CMND/CCCD: 052081013392	Ngày cấp: 23/2/2026, nơi cấp: Bộ Công an.
Quốc tịch:	Việt Nam.
Địa chỉ thường trú:	Số 174, ấp Đông Phước, xã Thạnh Đông, tỉnh An Giang.
Số điện thoại liên lạc:	0919002328
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác: + Từ tháng 01/2002 đến tháng 6/2010: Nhân viên Xí nghiệp CBLT XK Tân Phú thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 7/2010 đến tháng 03/2011: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh – xuất nhập khẩu Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012: Phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh – xuất nhập khẩu Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 02/2012 đến tháng 11/2015: Phó giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Tân Phú thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 12/2015 đến tháng 6/2016: Quyền giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 7/2016 đến tháng 01/2022: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận thuộc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang. + Từ tháng 01/2022 đến nay: Phó trưởng ban Kinh doanh Tổng công ty Lương thực miền Nam. + Từ tháng 12/2023 đến nay: Người đại diện vốn của Tổng công ty Lương thực miền Nam , Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Chủ tịch Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty bao bì Tiền Giang.	
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có): Không có	

<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 19/3/2026):</i>	5.090.776 cổ phần, chiếm 20,02% vốn điều lệ
+ <i>Đại diện sở hữu:</i>	5.085.776 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	5.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ
<i>Các cam kết nắm giữ (nếu có)</i>	
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có</i>	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên



Mai Thành Công

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

Họ và tên : Phạm Minh Trung
Ứng cử viên : Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Phạm Minh Trung
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	19/02/1981.
Nơi sinh:	Kiên Giang (nay là An Giang)
CCCD: 091081004081	Ngày cấp: 05/06/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	Số 88 Vũ Trọng Phụng, phường Rạch Giá, An Giang
Số điện thoại liên lạc:	
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp
Quá trình công tác:	
+ Từ tháng 11/1999 đến tháng 01/2003: Nhân viên Trạm Kinh doanh Lương thực Xuất khẩu APK thuộc CTy Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).	
+ Từ tháng 02/2003 đến tháng 01/2007: Nhân viên Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Giồng Riềng thuộc CTy Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).	
+ Từ tháng 02/2007 đến tháng 11/2008: Phó Giám đốc Xí nghiệp kiêm Quản đốc phân xưởng - Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Kiên Long thuộc CTy TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).	
+ Từ tháng 12/2008 đến tháng 03/2009: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh - Kỹ thuật đầu tư CTy TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).	
+ Từ tháng 04/2009 đến tháng 05/2010: Quyền Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng thuộc CTy TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).	
+ Từ tháng 06/2010 đến tháng 12/2015: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng thuộc CTy TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).	

+ Từ tháng 01/2016 đến tháng 06/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 07/2016 đến nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang, trong giai đoạn giữ chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty, bản thân đã kiêm nhiệm các chức danh sau: (i) Từ tháng 07/2016 đến tháng 03/2018: kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thẳng. (ii) Từ tháng 01/2020 đến tháng 04/2024: kiêm Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh. + Từ tháng 07/2016 đến tháng 04/2019: Người đại diện vốn của Tổng Công ty Lương thực miền Nam; Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang. + Từ tháng 05/2021 đến nay: Người đại diện vốn của Tổng Công ty Lương thực miền Nam; Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có	
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có):	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 19/3/2026):	2.542.888 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	2.542.888 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:	1. Mỗi quan hệ: Vợ, Tên cá nhân: bà Quách Thúy Hằng nắm giữ: 5.900 CP, chiếm 0,023% vốn điều lệ.
	2. Mỗi quan hệ: Anh ruột, Tên cá nhân: ông Phạm Minh Tùng nắm giữ: 1.500 CP, chiếm 0,006% vốn điều lệ.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Rạch Giá, ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên

Phạm Minh Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Hội đồng quản trị)

Họ và tên : Trần Tú Khanh

Ứng cử viên : Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên:	Trần Tú Khanh
Giới tính:	Nữ
Ngày tháng năm sinh:	08/04/1982.
Nơi sinh:	Xã Định Hoà, An Giang
CCCD:	Ngày cấp: 04/11/2022, nơi cấp: Cục CSVQLHC&TTXH
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	174/6 Mạc Cửu, phường Rạch Giá, An Giang
Số điện thoại liên lạc:	0918421787
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	+ Từ tháng 01/2005 đến tháng 01/2007: Nhân viên phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 01/2007 đến tháng 08/2011: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 09/2011 đến tháng 02/2014: Phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 03/2014 đến tháng 09/2023: Phó trưởng phòng Xuất nhập khẩu CTCP XNK Kiên Giang. + Từ tháng 09/2023 đến nay: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu CTCP XNK Kiên Giang. + Từ tháng 4/2024 đến nay: Người đại diện Tổng công ty Lương thực miền Nam; Thành viên HĐQT CTCP XNK Kiên Giang.
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Xuất nhập khẩu	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có	
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có):	

m

Số CP nắm giữ (tại thời điểm 19/3/2026):	8.600 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	8.600 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:	1. Mối quan hệ: Chồng, Tên cá nhân: ông Nguyễn Trường Giang nắm giữ: 8.600 CP, chiếm 0,034% vốn điều lệ.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Rạch Giá, ngày 14 tháng 4 năm 2026

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên

Trần Tú Khanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Ban kiểm soát)

Họ và tên : **Trần Công Lý**
Ứng cử viên : **Thành viên Ban kiểm soát**

<i>Họ và tên:</i>	Trần Công Lý
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	12/10/1977.
<i>Nơi sinh:</i>	Kiên Giang (nay là An Giang)
<i>CCCD:091077018186</i>	Ngày cấp: 28/9/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	F1 15-16 Hoàng Văn Thụ, phường Rạch Giá, An Giang
<i>Số điện thoại liên lạc:</i>	0982 572121
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Cử nhân Tài chính kế toán; Văn bằng 2 Quản trị kinh doanh.
<i>Quá trình công tác:</i> + Từ tháng 05/2001 đến tháng 01/2002: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 02/2002 đến tháng 05/2004: Nhân viên Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Giồng Riềng trực thuộc Công ty XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 06/2004 đến tháng 01/2006: Tổ trưởng Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Giồng Riềng trực thuộc Công ty XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 02/2006 đến tháng 04/2007: Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 05/2007 đến tháng 06/2010: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 07/2010 đến tháng 05/2011: Nhân viên phòng Tổ chức hành chính, phòng Kỹ thuật đầu tư Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang). + Từ tháng 06/2011 đến tháng 02/2012: Tổ trưởng Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang (nay là CTCP XNK Kiên Giang).	

+ Từ tháng 03/2012 đến tháng 11/2025: Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang. + Từ tháng 04/2024 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.	
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có	
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có):	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 19/3/2026):	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:	1. Mối quan hệ: Anh rể, Tên cá nhân: ông Trần Anh Việt nắm giữ: 300 CP, chiếm 0,001% vốn điều lệ.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

Rạch Giá, ngày 29 tháng 4 năm 2026

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên


Trần Công Lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Ban kiểm soát)

Họ và tên : Trần Thị Phương Lan

Ứng cử viên : Kiểm soát viên

<i>Họ và tên:</i>	Trần Thị Phương Lan
<i>Giới tính:</i>	Nữ
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	12/01/1984
<i>Nơi sinh:</i>	Hải Dương (nay là TP.Hải Phòng)
<i>CMND/CCCD: 030184002565</i>	Ngày cấp: 15/8/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	A803, chung cư Âu Cơ, 659 Âu Cơ, phường Tân Phú, TP.HCM
<i>Số điện thoại liên lạc:</i>	0988 110 184
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	- Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán - Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, hình thức đào tạo chính quy, loại khá. - Chứng chỉ Bồi dưỡng Kế toán trưởng cấp ngày 06/10/2012. - Trình độ ngoại ngữ: B Anh văn. - Trình độ Tin học: A.
<i>Quá trình công tác:</i> - Từ tháng 12/2007 - 04/2013: chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Bột mì Bình Đông. - Từ tháng 05/2013- 03/2015: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Bột mì Bình Đông. - Từ tháng 12/2016 - 23/01/2019: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam. - Từ ngày 24/01/2019 – 21/07/2020: Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần. - Từ ngày 22/07/2020 – 09/12/2021: Chuyên viên Ban Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần. - Từ ngày 10/12/2021 – 04/12/2024: Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.	

- Từ ngày 05/12/2024 đến nay: Trưởng bộ phận thuộc Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần. - Từ năm 2023 đến nay: là kiểm soát viên tại Công ty CP XNK Kiên Giang.	
Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng bộ phận thuộc Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần	
Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có):	
Số CP nắm giữ (tại thời điểm 19/3/2026):	 cổ phần, chiếm % vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	 cổ phần, chiếm..... % vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	 cổ phần, chiếm..... % vốn điều lệ
Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:	1. Mối quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ.
	2. Mối quan hệ:, Tên cá nhân/tổ chức: nắm giữ: CP, chiếm% vốn điều lệ.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

TP. HCM, ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên


 Trần Thị Phương Lan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho các ứng viên vào Ban kiểm soát)

Họ và tên : CAO VĂN NGHỊ

Ứng cử viên : Kiểm soát viên

<i>Họ và tên:</i>	CAO VĂN NGHỊ
<i>Giới tính:</i>	Nam
<i>Ngày tháng năm sinh:</i>	18/08/1987
<i>Nơi sinh:</i>	Ấp Hòa Thạnh, xã Định Hòa, tỉnh An Giang
<i>CMND/CCCD: 091087008543</i>	Ngày cấp: 06/08/2022, nơi cấp: Cục QLCS QLHC
<i>Quốc tịch:</i>	Việt Nam
<i>Địa chỉ thường trú:</i>	Ấp Hòa Thạnh, xã Định Hòa, tỉnh An Giang
<i>Số điện thoại liên lạc:</i>	0946067633
<i>Trình độ chuyên môn:</i>	Đại học Kế toán, Đại học QTKD
<i>Quá trình công tác:</i> - Từ tháng 3/2011 đến tháng 9/2014 - Từ tháng 9/2014 đến tháng 3/2021 - Từ tháng 3/2021 đến tháng 5/2024 - Từ tháng 5/2024 đến tháng 11/2025 - Từ tháng 11/2025 đến tháng 3/2026 - Từ tháng 3/2026 đến nay	- Nhân viên Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng - Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang (nay là Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang). - Tổ trưởng Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng - Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang. - Phó Giám đốc kiêm Tổ trưởng Kế toán Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng - Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang. - Chuyên viên phòng nghiệp vụ Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang. - Phó Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang. - Phó Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty CP Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
<i>Các chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Trưởng phòng Kế hoạch Kinh Doanh</i>	
<i>Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có</i>	
<i>Các lợi ích liên quan đến Công ty (nếu có): Không có</i>	
<i>Số CP nắm giữ (tại thời điểm 19/3/2026):</i>	500 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
+ <i>Đại diện sở hữu:</i>	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ <i>Cá nhân sở hữu:</i>	500 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ
<i>Các cam kết nắm giữ (nếu có)</i>	
<i>Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không có</i>	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên.

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người khai ký tên, ghi rõ họ tên

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Cao Văn Nghi', written in a cursive style.

Cao Văn Nghi



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Địa chỉ: 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

Điện thoại: (02973) 863491 Website: kigimex.com.vn

Số: 55/QC-XNK-HĐQT

An Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG NHIỆM KỲ 2026 - 2031

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- | | |
|------------|---|
| - Công ty | Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang |
| - HĐQT | Hội đồng quản trị |
| - BKS | Ban kiểm soát |
| - BTC | Ban Tổ chức Đại hội |
| - ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| - Đại biểu | Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông |

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT: 05 người
- Nhiệm kỳ: 2026 - 2031
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 25 Điều lệ Công ty)



Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: Ứng cử viên tham gia HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT hoặc thành viên Hội đồng thành viên tại tối đa 05 Công ty khác.

IV. Quy chế đề cử, ứng cử Ban kiểm soát

- Số lượng Kiểm soát viên: 03 người
- Nhiệm kỳ: 2026 - 2031
- Số lượng ứng cử viên BKS tối đa: không hạn chế

1. Quyền đề cử, ứng cử: (theo 37 Điều lệ Công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa bốn (04) Kiểm soát viên; từ 60% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều 45 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát: Ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và Công ty mẹ, của người đại diện phần vốn doanh nghiệp tại Công ty mẹ và tại Công ty.

- Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; hoặc là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

V. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

- Ban Kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

VI. Phương thức bầu cử

- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

- Phương thức bầu cử: (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)

+ Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

+ Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT và một phiếu bầu BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu.

- Cách ghi Phiếu bầu cử:

+ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;

+ Đại biểu được quyền phân bổ tổng số lượng phiếu bầu cho một hoặc nhiều ứng viên trong danh sách bằng cách ghi số lượng phiếu bầu vào cột “Số phiếu bầu cho ứng viên”;

+ Đại biểu có thể dồn toàn bộ phiếu cho 01 ứng viên hoặc chia cho nhiều ứng viên. Tổng số phiếu bầu đã ghi cho tất cả ứng viên không được vượt quá tổng số lượng phiếu bầu ghi trên phiếu.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;

+ Gạch tên các ứng cử viên;

+ Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu;

+ Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

+ Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

- Việc kiểm phiếu: Tiến hành dưới sự giám sát của đại diện cổ đông (nếu cần).

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban Kiểm phiếu.

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội cổ đông của Công ty.

VII. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo mẫu)

- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu)

- Bản sao các giấy tờ sau: CCCD/Hộ chiếu/Giấy CNĐKDN nếu là tổ chức.

- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn (nếu có)

- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong Điều lệ Công ty quy định.

- Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang trước 16h00 ngày 15/04/2026 theo địa chỉ sau:

Văn phòng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

- Địa chỉ : số 85-87 Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, An Giang

- Điện thoại: (0297) 3863491 – Fax: (0297) 3862309

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT. P.TCHC.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bạch Ngọc Văn

